

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Hoàng Kiều Trang

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC
THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**2012 | PDF | 114 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng - Năm 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Hoàng Kiều Trang

MỤC LỤC

Trang

TRANG PHỤ BÌA

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC HÌNH

MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN 4

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN.. 4

1.1.1 Khái niệm thuế thu nhập cá nhân 4

1.1.2 Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân 6

1.1.3 Vai trò của thuế thu nhập cá nhân 7

1.1.4 Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân.....10

1.1.5 Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân11

1.1.5.1 Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân với cá nhân cư trú11

1.1.5.2 Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân với cá nhân không cư trú.....18

1.2 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN.....19

1.2.1 Khái niệm công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân19

1.2.2 Nội dung của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân21

1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân25

1.2.3.1 Quan điểm của lãnh đạo Nhà nước	25
1.2.3.2 Cơ chế, chính sách về thuế.....	26
1.2.3.3 Cơ sở vật chất của ngành thuế.....	26
1.2.3.4 Trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, nhân viên thuế	26
1.2.3.5 Phương thức thanh toán chủ yếu trong dân cư.....	27
1.2.3.6 Tình nghiêm minh của pháp luật.....	27
1.2.3.7 Tình hình kinh tế và mức sống của người dân.....	28
1.2.3.8 Ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế.....	28
1.3 KINH NGHIỆM VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở MỘT SỐ QUỐC GIA	28
1.3.1 Kinh nghiệm về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân của Nhật Bản.....	28
1.3.2 Kinh nghiệm về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân của Đài Loan.....	30
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM.....	33
2.1 ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	33
2.1.1 Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam.....	33
2.1.2 Đặc điểm lao động và tình hình thu nhập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.....	34
2.2 TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ Ở CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM.....	36
2.3 CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM.....	46

2.3.1 Đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân qua quy trình quản lý thuế thu nhập cá nhân.....	46
2.3.1.1 Công tác quản lý trong khâu đăng ký thuế, cấp mã số thuế..	47
2.3.1.2 Công tác quản lý trong khâu kê khai và xử lý kê khai thuế ...	49
2.3.1.3 Công tác quản lý trong khâu nộp thuế, xử lý chứng từ nộp thuế.....	52
2.3.1.4 Công tác quản lý trong khâu quyết toán thuế.....	54
2.3.1.5 Công tác quản lý trong khâu hoàn thuế.....	56
2.3.1.6 Công tác quản lý trong khâu thanh tra, kiểm tra thuế.....	58
2.3.2 Hệ thống kiểm soát nội bộ tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.....	65
2.3.2.1 Môi trường kiểm soát	65
2.3.2.2 Hệ thống kế toán thuế	67
2.3.2.3 Các thủ tục kiểm soát	69
2.4 NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM.....	70
2.4.1 Những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam	70
2.4.1.1 Những ưu điểm	70
2.4.1.2 Những hạn chế	71
2.4.2 Nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.....	74
2.4.2.1 Nguyên nhân từ phía cơ quan Nhà nước	74
2.4.2.2 Nguyên nhân từ phía người nộp thuế.....	75
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	76
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM	77

3.1 YÊU CẦU CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM	77
3.1.1 Yêu cầu của xu thế phát triển và hội nhập kinh tế.....	77
3.1.2 Yêu cầu về phát triển Ngân sách Nhà nước.....	78
3.2 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM	78
3.3 NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM.....	80
3.3.1 Hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế thu nhập cá nhân	80
3.3.2 Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thuế	81
3.3.3 Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến thuế thu nhập cá nhân.....	84
3.3.4 Giải pháp về kiểm soát thuế đối với những khoản thu nhập của cá nhân.....	87
3.3.5 Tăng cường kiểm soát kê khai giảm trừ gia cảnh.....	96
3.3.6 Khuyến khích việc thanh toán và chi trả thu nhập thông qua hệ thống ngân hàng	99
3.4 KIẾN NGHỊ.....	100
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	103
KẾT LUẬN	104
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	105
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (bản sao)	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

MST:	Mã số thuế
NNT:	Người nộp thuế
NSNN:	Ngân sách Nhà nước
TL, TC:	Tiền lương, tiền công
TNCN:	Thu nhập cá nhân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
1.1	Biểu thuế lũy tiến từng phần	16
1.2	Biểu thuế toàn phần	17
2.1	Tình hình lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	35
2.2	Trình độ cán bộ công chức tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam	43
2.3	Chỉ tiêu tuyển dụng công chức tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam	44
2.4	MST do Cục thuế tỉnh Quảng Nam cấp qua các năm 2007 - 2011	49
2.5	Thu thuế TNCN ở Cục thuế tỉnh Quảng Nam từ 2007 - 2011	53
2.6	Bảng kết quả thu thuế TNCN của các chi cục thuế thuộc Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn 2007 - 2011	53
2.7	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra từ năm 2007 – 2011	63
2.8	Kết quả kiểm tra nội bộ năm 2007 - 2011	66

DANH MỤC CÁC HÌNH

Số hiệu hình	Tên hình	Trang
1.1	Sơ đồ mối quan hệ công việc của Quy trình quản lý thuế	21
1.2	Sơ đồ quy trình quản lý thuế TNCN	22
2.1	Tỷ trọng lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	35
2.2	Thu nhập bình quân đầu người ở Quảng Nam và Việt Nam	36
2.3	Cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Quảng Nam	38
2.4	Quy trình xử lý tờ khai thuế	50
2.5	Quy trình hoàn thuế TNCN	56
2.6	Quy trình thanh tra, kiểm tra người nộp thuế	59
2.7	Sơ đồ một cuộc thanh tra, kiểm tra tại cơ quan chi trả	61

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI năm 1986 được xem là một mốc son trong quá trình phát triển nền kinh tế đất nước, đây chính là bước ngoặt phát triển nền kinh tế Việt Nam: “phát triển theo cơ chế thị trường, dưới sự quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Sự lựa chọn sáng suốt đường lối phát triển kinh tế mà Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986) đề ra là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy rằng bản thân nó cũng có những khuyết tật vốn có của nó. Một trong những khuyết tật vốn có lớn nhất của nền kinh tế thị trường là khoảng cách giữa giàu nghèo trong xã hội cũng là vấn đề cần quan tâm.

Như chúng ta đã biết Nhà nước dùng thuế làm công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế, điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội và là công cụ chủ yếu huy động nguồn lực vật chất cho Nhà nước. Cho dù trong điều kiện kinh tế Việt Nam, thuế gián thu có những vai trò rất to lớn của nó. Nhưng với mục đích điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội bằng thuế trong nền kinh tế thì thuế trực thu thể hiện tính ưu việt hơn, đồng thời tăng nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước một cách hợp lý. Vì vậy, hướng đến một chính sách thuế thu nhập là điều tất yếu nhằm góp phần điều tiết bớt một phần thu nhập từ các tầng lớp người có thu nhập cao trong xã hội, hình thành các quỹ tiền tệ tập trung giúp Nhà nước ngày càng thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội của mình.

Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là một hình thức thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước (NSNN). Ở các nước phát triển tỷ trọng thu ngân sách của thuế TNCN chiếm rất cao từ 30% đến 40%, có nước lên đến 50% như Mỹ, Nhật, Canada..., các nước đang phát triển chiếm từ 15% đến 30% như Thái Lan, Malaysia... Ở nước ta, Luật thuế TNCN có hiệu lực thi hành từ

ngày 01/01/2009, số thu thuế TNCN chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu NSNN (khoảng 3%), nhưng trong điều kiện phát triển kinh tế và toàn cầu hóa, thu nhập cá nhân có xu hướng tăng nhanh, nên tỷ trọng thuế TNCN trong tổng thu NSNN sẽ tăng lên trong tương lai.

Tại tỉnh Quảng Nam, số thu về thuế TNCN trong thời gian qua rất thấp, chiếm tỷ trọng 1% trong tổng thu NSNN của tỉnh. Nguyên nhân do tình trạng trốn thuế, lách thuế còn khá phổ biến đối với các cá nhân có nhiều nguồn thu nhập, cá nhân hành nghề tự do; công tác quản lý thuế còn một số bất cập, hiệu quả quản lý thuế còn yếu, chưa được cải cách kịp thời; việc thanh tra, kiểm tra người nộp thuế (NNT) là công cụ chủ yếu để kiểm tra thuế chưa được xem trọng; mặt khác các thủ tục kiểm soát thuế TNCN còn nhiều bất cập nên việc quản lý thuế TNCN chưa đạt hiệu quả cao.

Xuất phát từ thực tế trên cũng như tính cấp thiết của công tác quản lý thuế TNCN tại tỉnh Quảng Nam, tôi chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở lý luận về thuế TNCN, Luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua. Từ đó đưa ra những giải pháp nhằm góp phần đẩy mạnh công tác quản lý thuế TNCN, chống lại nạn thất thu thuế TNCN và làm tăng NSNN trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu về công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam từ năm 2007 đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn đã sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu là phương pháp phân tích và tổng hợp, các phương pháp định tính, định lượng và các công cụ thống kê, khảo sát thực tế.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Hệ thống hóa các vấn đề lý thuyết về công tác quản lý thuế TNCN.

Trình bày thực trạng công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua.

Đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các chữ viết tắt, danh mục các bảng, hình vẽ và tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về thuế thu nhập cá nhân và công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1.1.1 Khái niệm thuế thu nhập cá nhân

Thuế thu nhập nói chung và thuế TNCN nói riêng đã được áp dụng từ lâu trên thế giới và có lịch sử hàng trăm năm. Thuế TNCN được áp dụng lần đầu tiên ở Anh năm 1799 dưới hình thức thu tạm thời nhằm mục đích trang trải cho cuộc chiến tranh chống Pháp và được chính thức ban hành vào năm 1842. Sau đó, thuế TNCN được nhanh chóng lan truyền sang các nước công nghiệp khác như: Nhật (năm 1887), Mỹ (năm 1913), Pháp (năm 1914)... Các nước Châu Á như Thái Lan bắt đầu áp dụng vào năm 1939, ở Philippin năm 1945, Hàn Quốc năm 1948, Indonesia năm 1949, Trung Quốc năm 1984. Đến nay, đã có khoảng 180 nước áp dụng thuế TNCN và thuế TNCN đã trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách thuế của nhiều nước. Các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển đều coi thuế TNCN là một trong những sắc thuế có tầm quan trọng đặc biệt trong việc huy động nguồn thu ngân sách, thực hiện phân phối công bằng xã hội và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Tuy nhiên, đặt ra mức thuế cao hay thấp, đánh vào tổng thu nhập hay đánh vào từng khoản thu nhập khác nhau của các chủ thể thường phụ thuộc vào quan điểm điều tiết thu nhập và mục tiêu đặt ra trong chính sách kinh tế, xã hội của từng nước trong từng thời kỳ nhất định. Ở các nước phát triển, thuế TNCN chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu từ thuế (thuế TNCN chiếm tỷ trọng gần 40% trong tổng thu thuế của Ngân sách Liên bang Mỹ, 38% ở Tây Ban Nha, 35% ở Anh, 50% ở Đan Mạch) và được xem là một loại thuế rất quan trọng, thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu thuế, là công cụ đảm bảo tính công bằng, tính hiệu quả kinh tế và hội nhập.

Ở Việt Nam, cùng với quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện nền kinh tế mở, sản xuất kinh doanh trong nước và đầu tư nước ngoài đều tăng mạnh, đời sống kinh tế xã hội có những bước chuyển biến đáng kể. Tuy nhiên, kèm theo đó là sự phát sinh chênh lệch về mức sống ngày càng rõ rệt, tiền lương, tiền công của người lao động giữa các đơn vị, nhất là khu vực kinh tế quốc doanh và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có sự khác biệt ngày càng lớn. Trong bối cảnh đó, hệ thống chính sách thuế được cải cách bước 1 (năm 1990), bên cạnh Luật thuế lợi tức áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, Quốc hội ủy quyền cho Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 27/12/1990 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/1991, nhằm động viên sự đóng góp của những cá nhân có thu nhập cao. Trong quá trình thực hiện Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao đã có năm lần sửa đổi, bổ sung vào tháng 6/1994, tháng 2/1997, tháng 7/1999, tháng 5/2001, và tháng 3/2004. Các lần sửa đổi Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao nêu trên đã mở rộng phạm vi thu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao sang các khu vực hưởng lương khác tại các doanh nghiệp trong nước và một số cơ quan của nhà nước, cá nhân có thu nhập cao, tăng cường công tác quản lý thu nộp thuế, nhưng chủ yếu các lần sửa đổi vẫn là sửa mức khởi điểm tính thuế, thuế suất, giãn cách thu nhập chịu thuế giữa các bậc thuế của biểu thuế. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao nước ta có đóng góp ngày càng tăng vào tổng số thu từ thuế của NSNN.

Ngày 21/11/2007, Quốc hội ban hành Luật thuế TNCN và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, thay thế cho thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao trước đây. Luật thuế TNCN mới quy định người nộp thuế là cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có thu nhập chịu thuế bao gồm cá nhân tự kinh doanh và chủ hộ gia đình hoặc người đại diện hộ gia

định. Việc chuyển cá nhân, hộ kinh doanh hiện đang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và mở rộng thêm các đối tượng có thu nhập từ đầu tư vốn và tài sản vào nộp thuế TNCN sẽ đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập của cá nhân và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thuế TNCN của Việt Nam dần được hoàn thiện theo thời gian. Từ năm 1991 đến trước năm 2009, để phù hợp hơn với tình hình thực tế, thuế TNCN ở Việt Nam được quy định dưới hình thức Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Từ 01/01/2009, Luật thuế TNCN chính thức có hiệu lực, đánh dấu bước phát triển quan trọng của sắc thuế này. Theo đó, khái niệm thuế TNCN ở Việt Nam cũng dần được bổ sung đầy đủ hơn.

Thuế TNCN là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập thực nhận được của các cá nhân trong một kỳ tính thuế nhất định thường một năm, từng tháng hoặc từng lần, không phân biệt nguồn gốc phát sinh thu nhập. [2, Tr. 9]

1.1.2 Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN có những đặc điểm quan trọng sau:

- Một là, thuế TNCN là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của người nộp thuế, người nộp thuế đồng nhất với người chịu thuế nên khó có thể chuyển gánh nặng thuế sang cho người khác.

- Hai là, thuế TNCN là loại thuế có độ nhạy cảm cao vì nó liên quan trực tiếp đến lợi ích cụ thể của người nộp thuế và liên quan đến hầu hết mọi cá nhân trong xã hội. Đặc điểm này xuất phát từ tính trực thu của thuế TNCN.

- Ba là, thuế TNCN là loại thuế luôn gắn liền với chính sách xã hội của mỗi quốc gia mặc dù các quốc gia hiện nay vẫn luôn hướng tới một hệ thống chính sách thuế mang tính trung lập. Khi tính thuế TNCN có xem xét đến hoàn cảnh cá nhân của người nộp thuế bằng việc quy định một số khoản được khấu trừ có tính chất xã hội trước khi tính thuế.

- Bốn là, thuế TNCN thường được tính theo biểu thuế lũy tiến từng phần do thuế TNCN được đánh theo nguyên tắc “khả năng nộp thuế” và cũng xuất phát từ vai trò chủ yếu của thuế TNCN là điều tiết mạnh người có thu nhập cao, động viên sự đóng góp của những người có thu nhập thấp, thu nhập trung bình trong xã hội.

- Năm là, thuế TNCN không bóp méo giá cả hàng hóa, dịch vụ. Thuế TNCN không cấu thành trong giá bán (giá thanh toán) hàng hóa, dịch vụ nên nó không tạo ra sự sai lệch giá cả hàng hóa, dịch vụ.

1.1.3 Vai trò của thuế thu nhập cá nhân

Xuất phát từ những đặc điểm kể trên, thuế TNCN có vai trò quan trọng:

- Thứ nhất, thuế TNCN là công cụ góp phần thực hiện công bằng xã hội, giảm bớt sự chênh lệch về thu nhập giữa những người có thu nhập cao và những người có thu nhập thấp trong xã hội.

Thuế TNCN luôn gắn với chính sách xã hội của một quốc gia. Mặc dù về quan điểm hoàn thiện chính sách thuế là cần phải xây dựng một chính sách thuế có tính trung lập, không nhằm nhiều mục tiêu khác nhau, nhưng trong thực tế chưa có quốc gia nào tách rời hẳn chính sách thuế TNCN với một số chính sách xã hội. Sự công bằng được biểu thị bởi biểu thuế lũy tiến từng phần, mức điều tiết về thuế tăng dần đều, người có thu nhập cao phải nộp thuế nhiều. Chính sách xã hội thể hiện thông qua cơ chế giảm trừ gia cảnh và một số khoản giảm trừ trước khi tính thuế.

- Thứ hai, thuế TNCN là một công cụ đảm bảo nguồn thu quan trọng và ổn định cho NSNN.

Thuế TNCN có diện thu thuế rất rộng, khả năng tạo nguồn thu cho NSNN cao, nhất là ở những quốc gia có nền kinh tế phát triển. Bên cạnh đó, thuế TNCN có độ co giãn theo thu nhập tương đối lớn nên cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thu nhập của các tầng lớp dân cư cũng không ngừng

tăng lên, nếu có chính sách động viên hợp lý, ổn định thì không cần phải thường xuyên thay đổi mà vẫn thu được một mức thu mong muốn. Do sự ổn định trong mức huy động thuế đã tạo ra một môi trường phù hợp với mục tiêu đầu tư kinh tế dài hạn của quốc gia, góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu được lợi nhuận nhiều, tạo ra mức thu nhập ngày càng cao từ đó tạo nguồn thu ngày càng tăng trưởng cho NSNN.

Kinh tế - xã hội càng phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì nhu cầu chi tiêu của Nhà nước để giải quyết các vấn đề an ninh, quốc phòng, an ninh xã hội, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế... cũng ngày càng gia tăng. Thêm vào đó, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế dẫn đến cơ cấu thu ngân sách cũng thay đổi theo hướng nguồn thu từ tích lũy trong nước được tăng dần và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN. Thuế TNCN cũng sẽ góp phần nâng cao tỷ trọng thu nội địa để ổn định thu cho NSNN trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tỷ trọng thuế TNCN trong tổng số thu ngân sách tại các nước trong khối ASEAN như: Thái Lan, Malaysia, Philippin... khoảng 12% - 16%, các nước đang phát triển khoảng 13% - 14%, các nước phát triển như: Mỹ, Nhật. Anh, Pháp, Đức... khoảng 30% - 40%. Tỷ trọng thuế TNCN tại Việt Nam hiện nay khoảng 4,1%, riêng thuế TNCN đã đóng góp nguồn thu vào ngân sách Nhà nước ngày càng tăng: năm 1991 là 62 tỷ, năm 1992 là 153 tỷ, đến năm 1998 là 1.550 tỷ, năm 2005 là 4.400 tỷ, năm 2006 là 5.100 tỷ, năm 2007 là 7.015 tỷ, năm 2008 khoảng 10.200 tỷ đồng.

- Thứ ba, thuế TNCN là công cụ kinh tế vĩ mô được Nhà nước sử dụng điều tiết thu nhập, tiêu dùng và tiết kiệm.

Thuế TNCN không chỉ là công cụ huy động nguồn thu NSNN, thực hiện công bằng xã hội, mà còn là một trong những công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thông qua mức thuế TNCN và chế độ miễn giảm thuế có thể khuyến khích đầu tư, tiết kiệm...

Như đã phân tích, thuế TNCN động viên trực tiếp vào thu nhập của cá nhân, thể hiện rõ nghĩa vụ của công dân đối với đất nước và căn cứ trên các nguyên tắc “lợi ích”, “công bằng” và “khả năng nộp thuế”. Việc áp dụng thuế TNCN sẽ góp phần đảm bảo tính hợp lý, công bằng, hiệu quả của hệ thống chính sách thuế và hạn chế sự gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo của các tầng lớp dân cư; đồng thời Nhà nước sẽ nắm được thông tin về thu nhập của cá nhân. Thông qua đó, vừa thực hiện động viên nguồn lực vừa góp phần phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Thứ tư, thuế TNCN góp phần quản lý thu nhập dân cư.

Thông qua việc kiểm tra, xác minh thu nhập tính thuế TNCN, cơ quan Nhà nước có thể phát hiện những khoảng thu nhập hợp pháp, không hợp pháp để có những biện pháp xử lý phù hợp. Qua tài liệu, số liệu về thuế TNCN giúp cho Chính phủ có thêm cơ sở để đánh giá khái quát về tính hình thu nhập xã hội, về cơ cấu thu nhập dân cư để đề ra các chính sách kinh tế xã hội phù hợp.

Qua thời gian thực hiện thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ở Việt Nam, bước đầu đã tạo cho mọi người dân làm quen với việc kê khai thu nhập và nhận thức được trách nhiệm về đóng thuế thu nhập, một loại thuế phổ biến trên thế giới và cũng là tiền đề trong quá trình hoàn thiện chính sách thuế TNCN ở Việt Nam.

- Thứ năm, thuế TNCN góp phần khắc phục nhược điểm của một số loại thuế khác.

Một số thuế gián thu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đều có nhược điểm là có tính lũy thoái và ảnh hưởng đến người nghèo nhiều hơn người giàu vì khi tiêu thụ cùng một lượng hàng hóa mọi người không phân biệt giàu nghèo và đều phải chịu thuế như nhau. Nếu tính thuế TNCN theo

phương pháp lũy tiến từng phần sẽ góp phần khắc phục được nhược điểm này.

- Thứ sáu, thuế TNCN góp phần hạn chế sự thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong doanh nghiệp thường tồn tại cả thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế TNCN. Giữa hai loại thuế này luôn luôn tồn tại mối quan hệ gắn bó với nhau. Thuế TNCN còn góp phần khắc phục sự thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp khi có sự thông đồng giữa các doanh nghiệp hay giữa các doanh nghiệp với cá nhân. Trong trường hợp doanh nghiệp kê khai cao hơn thực tế những chi phí phải trả cho các cá nhân để làm giảm thu nhập tính thuế của doanh nghiệp hòng trốn thuế thu nhập doanh nghiệp thì các cá nhân nhận được những khoản trả nói trên sẽ phải nộp thêm thuế TNCN đối với phần thu nhập nhận được kê khai tăng thêm đó. Thu nhập của doanh nghiệp tăng thường kéo theo sự tăng lên của thuế TNCN và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tóm lại: Thuế TNCN đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, vì công tác quản lý thuế TNCN còn nhiều hạn chế nên những vai trò này vẫn chưa thực sự được phát huy ở những nước chậm phát triển.

1.1.4 Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân

Luật thuế TNCN quy định đối tượng nộp thuế TNCN là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

- Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;

+ Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

- Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện của cá nhân cư trú.

1.1.5 Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân

1.1.5.1 Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế TNCN với cá nhân cư trú

- Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh

Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh của cá nhân cư trú được xác định theo công thức:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất theo biểu thuế lũy tiến từng phần (Bảng 1.1)}$$

Xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công hoặc từ kinh doanh của cá nhân cư trú:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Khoản đóng góp bắt buộc (1)} - \text{Khoản giảm trừ gia cảnh (2)} - \text{Khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo (3)}$$

Trong đó:

(1) Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc và các khoản bảo hiểm bắt buộc khác theo quy định của pháp luật.

(2) Các khoản giảm trừ gia cảnh theo quy định.

(3) Các khoản đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học theo quy định của Chính phủ.

❖ Xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công (TL, TC)

Thu nhập chịu thuế từ TL, TC được xác định bằng tổng tiền lương, tiền công, tiền thù lao và các khoản thu nhập khác có tính chất TL, TC mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế:

$$\begin{array}{lcl} \text{Thu nhập} & & \text{Tiền lương,} \\ \text{chịu thuế} & = & \text{tiền công} \quad + \quad \text{Các khoản có tính chất TLTC:} \\ & & \text{Trợ cấp, phụ cấp, tiền thưởng, ...} \end{array}$$

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ TL, TC là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.

❖ Xác định thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh của cá nhân cư trú được xác định bằng doanh thu trừ các khoản chi phí hợp lý theo quy định và liên quan trực tiếp đến việc tạo ra thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

$$\begin{array}{lcl} \text{Thu nhập chịu thuế} & & \text{Các khoản chi phí} \\ \text{từ kinh doanh} & = & \text{Doanh thu} \quad - \quad \text{hợp lý theo quy định} \end{array}$$

❖ Xác định giảm trừ gia cảnh

Một trong những điểm mới, quan trọng của Luật thuế TNCN so với quy định của thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao trước đây là quy định về giảm trừ gia cảnh.

Quy định về giảm trừ khi tính thuế TNCN của các nước trên thế giới đã được áp dụng từ lâu. Tuy có khác nhau về mức, nhưng cơ bản về tiêu thức để giảm trừ không khác nhau nhiều. Các nước đều quy định mức giảm trừ bản thân người nộp thuế, cho vợ hoặc chồng không có thu nhập; cho con, bố mẹ và người tàn tật phải nuôi dưỡng. Ngoài ra một số nước còn quy định giảm trừ đối với thu nhập kiếm sống, đóng góp từ thiện, các khoản đóng góp bắt buộc do người lao động hoặc cá nhân tự kinh doanh đóng góp cho Chính phủ hoặc các quỹ lương hưu được cấp phép và phí bảo hiểm nhân thọ... Các khoản giảm trừ chỉ áp dụng đối với cá nhân cư trú.

Giảm trừ gia cảnh là khoản tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú. Luật thuế TNCN quy định mức giảm trừ gia cảnh gồm hai phần:

+ Phần giảm trừ đối với bản thân người nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm).

+ Phần giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng.

- Đối với thu nhập từ đầu tư vốn

❖ Thu nhập tính thuế từ vốn đầu tư là thu nhập chịu thuế mà cá nhân nhận được trong kỳ tính thuế bao gồm các khoản: tiền lãi cho vay (không bao gồm lãi tiền gửi từ ngân hàng, tổ chức tín dụng, lãi từ trái phiếu Chính phủ, công trái, tín phiếu kho bạc Nhà nước); lợi tức cổ phần, thu nhập từ đầu tư vốn (bằng tiền và không bằng tiền) dưới các hình thức khác.

❖ Thuế TNCN từ đầu tư vốn của cá nhân cư trú trong kỳ tính thuế được xác định theo công thức:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 5\%}$$

❖ Thời điểm xác định thu nhập từ đầu tư vốn là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.

Trường hợp cá nhân nhận được thu nhập do việc đầu tư vốn ra nước ngoài dưới mọi hình thức thì thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm cá nhân nhận thu nhập.

- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp

❖ Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng phần vốn góp được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ giá mua của phần vốn góp và các chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

❖ Thời điểm xác định thu nhập tính thuế: là thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo quy định của pháp luật. Thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành là thời điểm các bên tham gia chuyển

nhượng làm thủ tục khai báo chuyển quyền sở hữu với cơ quan cấp đăng ký kinh doanh hoặc doanh nghiệp quản lý vốn góp.

❖ Cách tính thuế:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

❖ Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

❖ Phương pháp tính thuế và thuế suất:

Cá nhân nộp thuế được quyền lựa chọn phương pháp tính thuế TNCN với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo hai hình thức.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

❖ Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.

Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp

đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

❖ Thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sử dụng đất không có kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc gắn liền với đất được xác định bằng giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trừ đi giá vốn và các chi phí hợp lý liên quan.

❖ Thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng hoặc công trình xây dựng trên đất bằng giá chuyển nhượng trừ đi giá vốn của bất động sản đó và các chi phí hợp lý có liên quan.

❖ Thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà ở được xác định bằng giá bán trừ đi giá mua và các chi phí hợp lý có liên quan.

❖ Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng quyền thuê đất, thuê mặt nước được xác định bằng giá cho thuê lại trừ giá đi thuê và các chi phí có liên quan.

❖ Thuế suất và cách tính thuế

Trường hợp xác định được thu nhập tính thuế, thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản được xác định như sau:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 25\%}$$

Trường hợp không xác định được giá vốn (giá mua) của hoạt động chuyển nhượng bất động sản và các chi phí liên quan làm cơ sở xác định thu nhập tính thuế thì thuế TNCN được xác định như sau:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất 2\%}$$

❖ Thời điểm xác định thu nhập tính thuế đối với chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng bất động sản có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

- Đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thu nhập từ thừa kế, quà tặng

❖ Thu nhập tính thuế từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thu nhập từ thừa kế quà tặng là phần giá trị thu nhập được vượt trên 10 triệu đồng.

❖ Cách tính thuế:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất theo biểu thuế toàn phần phần (Bảng 1.2)}$$

- Thuế suất thuế TNCN

Theo Luật thuế TNCN quy định, biểu thuế TNCN gồm biểu thuế lũy tiến từng phần và biểu thuế toàn phần.

Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công. Do đây là khoản thu nhập có tính chất phổ biến, thường xuyên, ổn định của cá nhân trong năm nên mức tính thuế được tính theo năm và tạm thu theo tháng. Biểu thuế suất lũy tiến từng phần áp dụng một biểu thuế suất thống nhất giữa người Việt Nam và người nước ngoài. Biểu thuế lũy tiến từng phần được quy định như sau:

Bảng 1.1: Biểu thuế lũy tiến từng phần

Bậc thuế	Thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

(Nguồn: Luật thuế TNCN năm 2007)

Biểu thuế suất toàn phần áp dụng đối với các loại thu nhập từ đầu tư (lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm, lợi tức cổ phần), thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và các khoản thu nhập khác (tiền bản quyền, trúng thưởng xổ số, khuyến mãi, trò chơi có thưởng, thừa kế, quà tặng). Thuế thu nhập được tính và thu theo từng lần phát sinh thu nhập. Biểu thuế toàn phần được quy định như sau:

Bảng 1.2: Biểu thuế toàn phần

Thu nhập tính thuế	Thuế suất (%)
a) Thu nhập từ vốn đầu tư	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c) Thu nhập từ trúng thưởng	10
d) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Luật thuế TNCN	20
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Luật thuế TNCN	0,1
e) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật thuế TNCN	25
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Luật thuế TNCN	2

(Nguồn: Luật thuế TNCN năm 2007)

1.1.5.2 Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế TNCN với cá nhân không cư trú

- Đối với thu nhập từ kinh doanh

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Doanh thu từ sản xuất kinh doanh} \times \text{Thuế suất theo lĩnh vực hoạt động}$$

Doanh thu là toàn bộ số tiền phát sinh từ việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả chi phí do bên mua hàng hóa, dịch vụ trả thay cho cá nhân không cư trú mà không được hoàn trả. Trường hợp thỏa thuận hợp đồng không bao gồm thuế TNCN thì doanh thu tính thuế phải quy đổi là toàn bộ số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được dưới bất kỳ hình thức nào từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Thuế suất đối với thu nhập từ kinh doanh quy định đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh như sau: Đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa 1%; đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ 5%, đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và hoạt động kinh doanh khác là 2%.

- Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là tổng số tiền lương, tiền công mà cá nhân không cư trú nhận được do thực hiện công việc tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập.

- Đối với thu nhập từ đầu tư vốn

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập từ đầu tư vốn} \times \text{Thuế suất 5\%}$$

- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập từ chuyển nhượng vốn} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \frac{\text{Giá chuyển nhượng bất động sản}}{\text{bất động sản}} \times \text{Thuế suất 2\%}$$

- Đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \frac{\text{Thu nhập vượt trên 10 triệu đồng}}{\text{trên 10 triệu đồng}} \times \text{Thuế suất 5\%}$$

- Đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng

$$\text{Thuế TNCN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất 10\%}$$

Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng của cá nhân không cư trú là phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần trúng thưởng tại Việt Nam; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần phát sinh thu nhập mà cá nhân không cư trú nhận được tại Việt Nam.

1.2 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1.2.1 Khái niệm công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Quản lý thuế TNCN là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước đối với quá trình tính và thu thuế TNCN để thay đổi quá trình này nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách và đạt được các mục tiêu nhà nước đặt ra. [12, Tr 23]

Công tác quản lý thuế TNCN nhằm đạt được các mục tiêu cơ bản sau:

- Tăng cường tập trung, huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho NSNN trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Thuế TNCN chiếm tỷ trọng chủ yếu trong số thu NSNN ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vì vậy, làm tốt công tác quản lý thuế thu nhập nói chung và thuế TNCN nói riêng sẽ có tác dụng lớn trong việc tập trung, huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho NSNN.

Bên cạnh đó, thuế TNCN tác động trực tiếp đến thu nhập của các cá nhân, có thể làm giảm nỗ lực làm việc và gây nên các phản ứng ngay lập tức từ phía người chịu thuế như hành vi trốn thuế... Để tăng cường và ổn định số thu NSNN trong tương lai, công tác quản lý thuế TNCN cũng cần được chú ý để duy trì và phát triển cơ sở tạo nguồn thu thuế thu nhập của các cá nhân.

- Góp phần tăng cường ý thức chấp hành pháp luật cho các tổ chức kinh tế và dân cư.

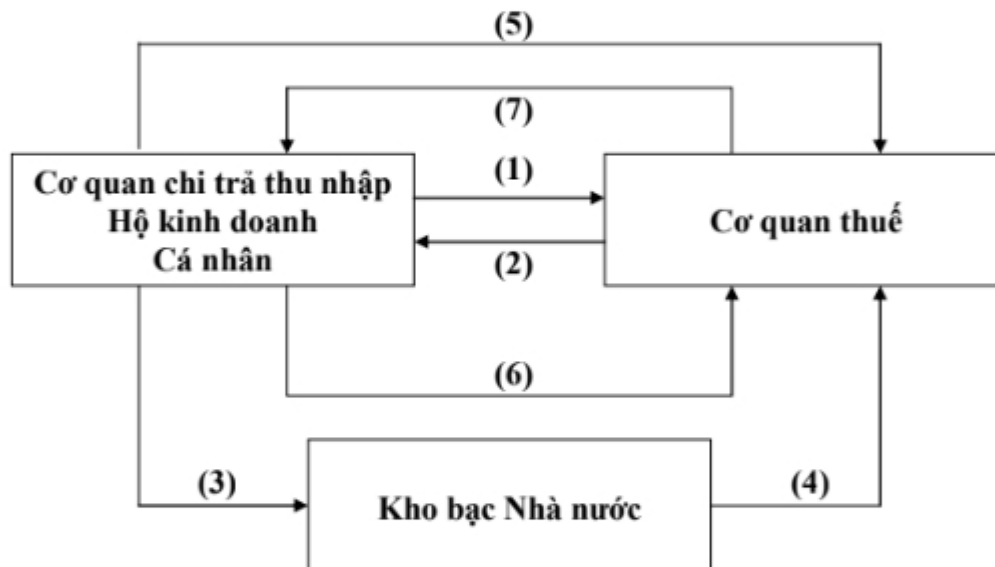
Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước thông qua công cụ luật pháp để tác động vào nền kinh tế vĩ mô. Ý thức chấp hành luật pháp của các tổ chức kinh tế và dân cư sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện những tác động này. Qua công tác tổ chức thực hiện và thanh tra việc chấp hành các luật thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng, cùng với việc tăng cường tính pháp chế của chính sách thuế này, ý thức chấp hành chính sách thuế sẽ được nâng cao, từ đó tạo thói quen “sống và làm việc theo pháp luật”.

Ở các nước phát triển, thu nhập trung bình của người dân cao nên thuế TNCN đã trở nên vô cùng quen thuộc. Do là thuế trực thu nên tác động của thuế TNCN mang tính trực tiếp, đối tượng chịu thuế có thể cảm nhận được ngay. Họ biết mình phải nộp thuế và dần trở nên quen thuộc với việc này. Từ đó, người dân sẽ nhận thức được rõ hơn về nghĩa vụ nộp thuế của mình. Chính vì vậy, họ sẽ có ý thức rõ ràng hơn về tính pháp chế của chính sách thuế, từ đó nâng cao ý thức chấp hành chính sách này. Còn ở các nước đang phát triển, do thu nhập dân cư còn thấp nên thuế TNCN là vấn đề còn mới mẻ với khá nhiều người. Người dân vẫn phải nộp thuế nhưng có cảm nhận ít hơn về tác động của thuế, thậm chí không biết gì đến thuế vì chủ yếu là thuế gián thu. Người dân mua hàng hóa, dịch vụ với giá cả đã có thuế trong đó. Do đó, ý thức về nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước nhìn chung là thấp hơn.

- Phát huy tốt nhất vai trò của thuế TNCN trong nền kinh tế. Vai trò của thuế TNCN là rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Nhưng vai trò đó không mang tính khách quan, mà nó là kết quả của những tác động từ phía con người. Những tác động đó được thực hiện thông qua những nội dung, những công việc cụ thể của công tác quản lý thuế TNCN.

1.2.2 Nội dung của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Việc quản lý thuế TNCN phải tuân theo một quy trình cụ thể. Quy trình quản lý thuế TNCN được thể hiện qua hình 1.1 và hình 1.2 như sau:



Hình 1.1 Sơ đồ mối quan hệ công việc của Quy trình quản lý thuế

(1) Người nộp thuế (NNT) đăng ký thuế, kê khai thuế với cơ quan thuế theo quy định.

(2) Cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế, kê khai thuế của NNT để cấp mã số thuế, thông báo thuế cho NNT.

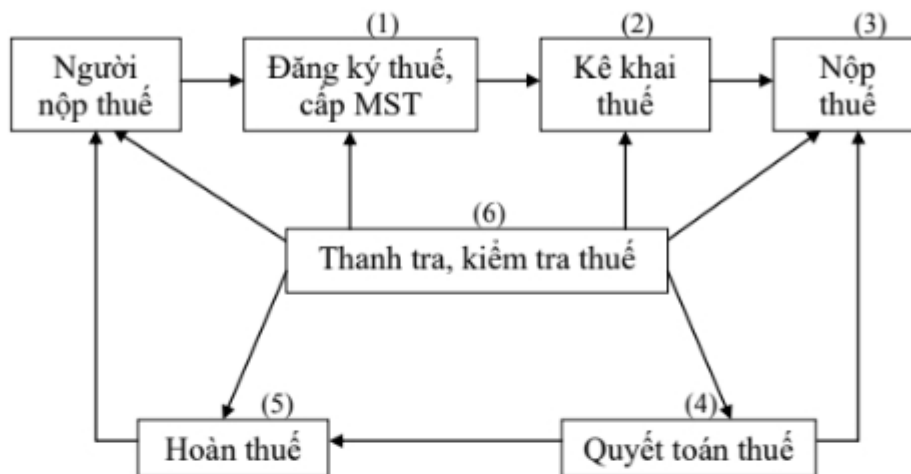
(3) NNT nộp thuế theo kê khai hoặc theo thông báo của cơ quan thuế.

(4) Kho bạc chuyển chứng từ nộp thuế về cơ quan thuế để kiểm tra.

(5) NNT nộp quyết toán thuế về cơ quan thuế, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, thanh tra.

(6) NNT nộp hồ sơ hoàn thuế về cơ quan thuế.

(7) Cơ quan thuế kiểm tra làm thủ tục hoàn thuế.



Hình 1.2: Sơ đồ quy trình quản lý thuế TNCN

(1) Đăng ký thuế, cấp mã số thuế (MST):

Cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn NNT lập hồ sơ đăng ký cấp MST, cấp mẫu tờ khai đăng ký thuế. Trên cơ sở kê khai đăng ký của NNT, cơ quan thuế tiến hành tiếp nhận hồ sơ và cấp MST theo trình tự thời gian được quy định. Tất cả các thông tin về NNT như: họ tên, địa chỉ, số chứng minh thư, nghề nghiệp, cơ quan chi trả... được lưu vào chương trình đăng ký thuế trên máy tính nối mạng toàn quốc.

NNT chỉ được cấp một MST duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động từ khi đăng ký thuế cho đến khi không còn tồn tại. MST được dùng để kê khai nộp thuế cho tất cả các loại thuế mà NNT phải nộp, kể cả trường hợp NNT kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa bàn khác nhau.

Đây là phương thức quản lý hiện đại được nhiều nước trên thế giới áp dụng, cho phép cơ quan thuế tiết kiệm được thời gian, công sức mà vẫn đảm

bảo tính chính xác ngay cả trong trường hợp số lượng NNT là rất lớn. Phương thức quản lý này giúp cơ quan thuế phát hiện kịp thời gian lận về thuế.

(2) **Kê khai thuế:** Hiện nay, việc tính thuế, khai thuế là do NNT tự thực hiện, có sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan thuế.

Căn cứ vào quy định của Luật quản lý thuế, Luật thuế TNCN, NNT tự xác định số thuế phải nộp, lập tờ khai thuế theo biểu mẫu thống nhất và nộp đúng thời gian quy định.

Trong thời hạn xử lý tờ khai, nếu phát hiện sai sót thì cơ quan thuế thông báo yêu cầu NNT chỉnh sửa; tờ khai được nhập vào Chương trình quản lý thuế. Trường hợp NNT không nộp tờ khai, không khai điều chỉnh thì sẽ bị xử lý phạt hành chính và bị ấn định thuế của kỳ đó hoặc bị kiểm tra tại cơ sở NNT.

Trong quá trình xử lý tờ khai, cơ quan thuế phân tích các dữ liệu kê khai để phát hiện những trường hợp có dấu hiệu bất thường hoặc dấu hiệu vi phạm để có các biện pháp ngăn chặn kịp thời.

(3) **Nộp thuế:** Thời hạn nộp tờ khai cho cơ quan thuế và nộp thuế vào NSNN chậm nhất vào ngày 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập. Đối với cơ quan chi trả thu nhập, việc kê khai, tạm nộp thuế hàng tháng được thực hiện như sau:

- Thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với khoản chi trả thu nhập cho cá nhân thuộc sự quản lý của cơ quan chi trả thu nhập, cá nhân có ký hợp đồng lao động ổn định (không xác định thời hạn) và các trường hợp ký hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động thời vụ.

Đối với khoản chi trả thu nhập cho cá nhân là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế và lập tờ khai theo mẫu.

- Đối với thu nhập không thường xuyên: Thuế TNCN đối với thu nhập không thường xuyên nộp cho từng lần phát sinh thu nhập, cơ quan chi trả thu nhập thực hiện khấu trừ tiền thuế và cấp biên lai thuế khi chi trả cho người có thu nhập. Cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm lập tờ khai nộp thuế thu nhập không thường xuyên theo mẫu của tháng phát sinh thu nhập về số người, số thu nhập, số tiền thuế đã khấu trừ, số tiền thù lao được hưởng, số tiền thuế phải nộp NSNN.

(4) Quyết toán thuế: Đối tượng thuộc diện quyết toán thuế TNCN thì trong thời gian quy định (chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch) phải nộp tờ khai quyết toán thuế cho cơ quan thuế.

Quyết toán thuế phải ghi đủ, rõ các chỉ tiêu theo mẫu tờ khai. Cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra quyết toán thuế, yêu cầu người nộp thuế điều chỉnh, thay thế quyết toán và xử lý nhập vào Chương trình quản lý thuế; phân tích đánh giá những thông tin, chỉ tiêu trên tờ khai quyết toán đối chiếu với những thông tin mà cơ quan thuế nắm được để đưa ra quyết định quản lý thuế cần thiết.

(5) Hoàn thuế: Cá nhân khi quyết toán thuế năm có số thuế thu nhập đã tạm nộp trong năm lớn hơn số phải nộp là đối tượng được hoàn thuế TNCN. Ngoài ra, còn có một số trường hợp khác được hoàn thuế theo quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế gửi đến, cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ theo quy định của Luật quản lý thuế, Luật thuế TNCN, thực hiện hoàn thuế với những hồ sơ đủ điều kiện.

(6) Thanh tra, kiểm tra thuế: Thanh tra, kiểm tra là hoạt động đặc trưng của công tác kiểm soát nguồn thu thuế. Có thể tiến hành thanh tra theo kế hoạch hoặc thanh tra bất thường. Thực chất của thanh tra thuế là kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế của NNT, xử lý vi phạm pháp luật thuế và thanh tra

nội bộ ngành. Trong đó, thanh tra nội bộ ngành là kiểm tra việc chấp hành hệ thống các quy trình, hệ thống kế toán thuế và pháp luật thuế của cán bộ thuế, cơ quan thuế cấp dưới và các bộ phận thuộc phạm vi quản lý. Quy trình thanh tra phải bảo đảm được các yếu tố: xây dựng quy mô, phạm vi; kế hoạch chi tiêu đến từng NNT; xác định nội dung, lực lượng kiểm tra; tiến hành kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra và lưu trữ hồ sơ.

1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNCN. Mỗi nhân tố đều có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực tới công tác này tùy theo tính chất và trạng thái của nhân tố đó. Nhiệm vụ của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước là phải tìm cách hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực cũng như phát huy những ảnh hưởng tích cực nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN.

1.2.3.1 Quan điểm của lãnh đạo Nhà nước

Quan điểm của lãnh đạo có ảnh hưởng trước hết tới các chính sách thuế TNCN, sau đó là tới quá trình thực hiện và các công việc khác thuộc phạm vi quản lý sắc thuế này. Pháp luật thể hiện quan điểm của giai cấp thống trị. Luật thuế nói chung và thuế thu nhập nói riêng cũng không ngoại lệ. Một ví dụ cho điều này là sự đánh đổi giữa công bằng và hiệu quả kinh tế. Nhìn chung, trong quá trình thực hiện công bằng, xã hội phải chịu sự giảm sút của những hoạt động đang đạt hiệu quả kinh tế.

Một nhà nước chú trọng công bằng hơn hiệu quả kinh tế sẽ có chính sách điều tiết mạnh vào người có thu nhập cao, mức thuế suất sẽ tăng rất nhanh theo lượng thu nhập tăng thêm. Điều này thông thường sẽ làm giảm nỗ lực làm việc của cá nhân có thu nhập cao. Nhìn chung, hiệu quả kinh tế sẽ giảm. Ngược lại, nhà nước chú trọng hiệu quả kinh tế hơn thì thuế thu nhập sẽ

điều tiết ít vào người có thu nhập cao, tạo điều kiện cho họ hăng hái làm việc, tạo thêm thu nhập cho xã hội. Mặt khác, mức độ quan tâm của lãnh đạo Nhà nước tới công tác quản lý thuế TNCN cũng có ảnh hưởng nhiều tới công tác này.

1.2.3.2 Cơ chế, chính sách về thuế

Một cơ chế, chính sách rõ ràng về NNT, về các khoản thu nhập phải nộp thuế, các khoản thu nhập được miễn thuế..., các văn bản pháp luật ban hành không “đá” nhau thì sẽ dễ dàng cho việc thực thi pháp luật thuế, dễ dàng quản lý thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng. Một cơ chế chính sách phải đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các cá nhân nộp thuế; đảm bảo được công bằng xã hội, xóa dần khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.

1.2.3.3 Cơ sở vật chất của ngành thuế

Nhân tố này có ảnh hưởng mạnh mẽ tới công tác quản lý thuế TNCN. Những quy định trong chính sách về diện thu thuế (rộng hay hẹp), phương thức kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế... phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đáp ứng của ngành thuế. Khả năng này lại phụ thuộc rất lớn vào cơ sở vật chất của ngành thuế. Cũng như vậy, một hệ thống thu thuế được kết nối bằng mạng nội bộ sẽ là một nhân tố rất hữu ích cho cơ quan thuế trong việc quản lý thu thuế hiệu quả, chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí. Việc xây dựng mạng thông tin nội bộ để quản lý cơ sở dữ liệu sẽ đòi hỏi những chi phí bước đầu tương đối lớn, nhưng xét về dài hạn thì điều này sẽ tiết kiệm chi phí hơn rất nhiều so với việc quản lý dữ liệu theo kiểu thủ công.

1.2.3.4 Trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, nhân viên thuế

Trình độ đội ngũ cán bộ, nhân viên thuế đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thuế, đặc biệt là thuế TNCN. Nhân tố này tác động vào

tất cả các nội dung của công tác quản lý thuế TNCN, từ ban hành chính sách, tổ chức thực hiện chính sách tới thanh tra thuế, tổ chức bộ máy quản lý thuế.

Để có thể ban hành những chính sách thuế đúng đắn, đáp ứng được yêu cầu của những thay đổi kinh tế xã hội và đảm bảo được những mục tiêu của công tác quản lý thuế TNCN thì đội ngũ cán bộ thuế cấp cao - ở tầm hoạch định chính sách - cần phải có trình độ cao về vấn đề thực tế cũng như cơ bản liên quan đến thuế.

1.2.3.5 Phương thức thanh toán chủ yếu trong dân cư

Phương thức thanh toán chủ yếu trong dân cư ảnh hưởng lớn tới khâu quản lý thu thuế và thanh tra thuế. Quản lý thuế TNCN khó khăn và phức tạp chủ yếu ở khâu quản lý thu nhập của các đối tượng. Nếu như các khoản thu nhập được thanh toán qua hệ thống ngân hàng dưới hình thức tài khoản cá nhân thì sẽ rất thuận tiện cho cơ quan thuế trong việc giám sát. Bên cạnh đó, nếu phương thức thanh toán trong dân cư chủ yếu thông qua ngân hàng thì nhà nước có thể áp dụng phương pháp thu thuế TNCN thông qua hệ thống ngân hàng. Điều này vừa giúp giảm bớt công việc và chi phí cho cơ quan thuế. Chính vì vậy, sự phát triển của hệ thống ngân hàng đi kèm với việc phát triển hình thức thanh toán qua tài khoản sẽ là một điều kiện tất yếu để có thể thực hiện tốt công tác quản lý thuế TNCN.

1.2.3.6 Tính nghiêm minh của luật pháp

Cơ quan luật pháp làm việc có hiệu quả, luật pháp được thực hiện nghiêm minh sẽ đảm bảo việc vi phạm luật giảm đi. Các đối tượng nộp thuế cũng như cơ quan thu thuế cũng sẽ thực hiện nghiêm túc hơn các quy định trong luật thuế bởi họ biết rằng khi vi phạm họ sẽ không tránh khỏi những hình phạt nếu bị phát hiện. Như vậy, công tác quản lý thuế TNCN sẽ đạt hiệu quả.

1.2.3.7 Tình hình kinh tế và mức sống của người dân

Hiệu quả của công tác quản lý thuế TNCN phụ thuộc không nhỏ vào mức độ phát triển kinh tế và đời sống của dân cư. Cùng một đơn vị thu thuế trên một khu vực, số đối tượng nộp thuế thu nhập nhiều sẽ giảm bớt chi phí trên một đồng thuế thu được, ngược lại có ít đối tượng nộp thuế và số thu thuế thu được ít thì chi phí cho một đồng thuế thu được sẽ cao. Sự phát triển kinh tế sẽ đồng hành với sự phát triển của cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý nói chung và công tác quản lý thuế nói riêng, khi cơ sở hạ tầng tốt thì khả năng quản lý thuế cũng sẽ được đơn giản và hiệu quả hơn.

1.2.3.8 Ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế

Ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng tỷ lệ thuận với ý thức và trách nhiệm nộp thuế. Khi người dân có ý thức chấp hành luật thuế tốt, họ sẽ tự giác trong kê khai, nộp thuế. Hành vi trốn thuế sẽ ít xảy ra. Chính vì vậy, công tác quản lý thuế và thanh tra thuế sẽ gặp nhiều thuận lợi và đạt kết quả tốt hơn. Tóm lại ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế cũng ảnh hưởng một phần tới công tác quản lý thuế TNCN.

1.3 KINH NGHIỆM VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

1.3.1 Kinh nghiệm về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân của Nhật Bản

Thuế TNCN ở Nhật Bản đã được áp dụng từ năm 1887. Hiện nay tổng thu từ thuế TNCN ở Nhật Bản chiếm khoảng 40% tổng thu NSNN. Chính phủ Nhật Bản quyết tâm xây dựng và phát triển chính sách thuế TNCN trở thành nguồn thu chủ yếu trong tổng nguồn thu từ thuế bởi Chính phủ Nhật Bản đã thấy rõ những ưu điểm của loại thuế trực thu này. Trong chính sách về loại thuế này, Nhật Bản đã thực hiện công việc đánh thuế công bằng về sức chịu thuế, nhưng vẫn tính đến việc đảm bảo tính công bằng khi tình hình kinh tế -

xã hội thay đổi, đảm bảo các yêu cầu của chính sách kinh tế - xã hội. Họ đã quy định rất cụ thể các loại thu nhập chịu thuế và thu nhập không chịu thuế. Khoản thu nhập không chịu thuế bao gồm: tiền lương của người cao tuổi, phụ cấp thất nghiệp.

Nhật Bản quan niệm chỉ có bản thân người nộp thuế mới biết chắc chắn nhất về số tiền thu nhập và các thông tin cần thiết khác để tính ra mức thuế của mình. Để tạo nền tảng vững chắc cho cơ chế tự khai, tự nộp thuế, Chính phủ Nhật Bản đã triển khai cùng một lúc hai vấn đề, vấn đề chế độ và vấn đề thi hành. Về chế độ, Chính phủ Nhật Bản đã nghiên cứu kỹ lưỡng biểu mẫu tự khai thuế; thực hiện chế độ công bố thuế TNCN; đồng thời đào tạo một hệ thống chuyên gia tư vấn tự kê khai thuế; xây dựng chế độ lưu giữ sổ sách, hồ sơ quản lý bằng hệ thống máy tính. Về việc thi hành, Chính phủ Nhật Bản thường xuyên hướng dẫn các cá nhân tự kê khai nộp thuế thông qua các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp; luôn tận dụng các cơ hội để giải đáp thắc mắc về việc kê khai, nộp thuế, hoàn thuế; bên cạnh đó còn tiến hành điều tra các hiện tượng trốn thuế, các hiện tượng khai gian lận thuế TNCN.

Để bảo đảm hiệu quả công tác quản lý thuế, pháp luật của Nhật Bản cũng có quy định rất nghiêm khắc để áp dụng cho những người nộp thuế có sự vi phạm các nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp có vi phạm nghĩa vụ nộp thuế, người nộp thuế sẽ phải gánh chịu một trong hai loại chế tài là chế tài hành chính và chế tài hình sự. Việc xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ nộp thuế do Chi cục trưởng chi cục thuế áp dụng, hình thức xử phạt hành chính gồm 3 mức: Một là, phạt 10% phần thuế của số tiền thuế phải nộp nếu kê khai ít hơn thu nhập thực tế; Hai là, phạt 15% phần thuế của số tiền thuế phải nộp nếu không kê khai thu nhập; Ba là, phạt từ 35% đến 40% phần thuế của số tiền thuế phải nộp nếu người nộp thuế kê khai ít hoặc không kê khai thu nhập mang tính hệ thống. Trường hợp nộp thuế chậm hơn so với

quy định sẽ chịu truy thu nộp chậm theo lãi suất cao nhất của ngân hàng nhà nước trên số tiền chậm nộp. Nếu đã bị xử phạt bằng một trong các hình thức trên thì cá nhân đó sẽ không được áp dụng các biện pháp ưu đãi nữa. Về trách nhiệm hình sự, pháp luật hình sự của Nhật Bản quy định hành vi trốn thuế là tội phạm hình sự, người thực hiện tội phạm này bị áp dụng hình phạt đến 5 năm tù giam hoặc bị phạt tiền. Ngoài ra, pháp luật hình sự của Nhật Bản còn áp dụng cả hình phạt đối với các hành vi từ chối điều tra, vi phạm các nghĩa vụ ghi chép sổ sách kế toán.

1.3.2 Kinh nghiệm về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân của Đài Loan

Việc đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin không những đã đem lại cho ngành thuế Đài loan một công cụ quản lý hữu hiệu, mà còn cung cấp nhiều kênh khác nhau cho NNT lựa chọn cách thức khai nộp thuế thuận tiện nhất. Việc kê khai thuế qua mạng là hình thức rất thuận tiện, được nhiều người yêu chuộng, chiếm tỷ lệ 43% trong tổng số 70 triệu tờ khai thuế thu nhập hằng năm. Bên cạnh đó, việc nhận tờ khai thuế qua mạng không những giúp cho cơ quan thuế giảm được những chi phí nhân sự đáng kể mà còn làm tăng tính minh bạch của hệ thống quản lý, giảm các thủ tục hành chính cho NNT và tăng cường cơ chế chống lạm quyền trong ngành thuế.

Hiện nay, cơ quan thuế Đài Loan đang áp dụng song song cả hai hình thức kê khai: khấu trừ tại nguồn đối với người làm công ăn lương có nguồn thu nhập ổn định và tự khai tự nộp đối với những người có hoạt động kinh doanh tự do. Người nộp thuế cũng có thể tự lựa chọn hình thức nộp thuế. Nhưng một vấn đề đặt ra là làm thế nào các cán bộ thuế có thể kiểm tra được mức độ trung thực của các tờ khai báo. Để làm được việc này, ngay từ khi thuế thu nhập được áp dụng, cơ quan thuế Đài Loan đã tiến hành việc thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về đối tượng nộp thuế. Để xác định chính

xác mức thu nhập của một cửa hàng, một hộ kinh doanh hoặc một cá nhân hành nghề tự do, cơ quan thuế đã phải cử cán bộ thuế đứng hàng giờ ở các cửa hàng siêu thị, đếm chính xác từng lượt người mua hàng và cắt cử cán bộ thuế trực tiếp đến các quán bar, vũ trường...

Việc gian lận và trốn thuế đối với công dân Đài Loan là điều hết sức khó khăn, bởi lẽ, cán bộ thuế sẽ dễ dàng tìm thấy những chứng cứ cần thiết về các khoản chi phí được giảm trừ của cá nhân và doanh nghiệp từ việc kiểm tra hóa đơn đầu tư của bất kỳ một cửa hàng, siêu thị nào, hay từ các ngành cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông, hoặc có được thông tin về khoản tiền gửi của các cá nhân tại các ngân hàng. Bằng nghiệp vụ chuyên môn của mình, các cán bộ thanh tra thuế sẽ dễ dàng phát hiện sự bất hợp lý khi một chủ nhà hàng đã không khai báo mức thu nhập tương xứng với doanh thu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cơ quan thuế Đài Loan cũng đưa ra chế độ tố giác đối với trường hợp gian lận thuế và có tiền thưởng cao. Điều này cũng đã khích lệ những nhân viên kế toán nắm sâu sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, mạnh dạn khai báo với cơ quan thuế khi được ông chủ chỉ thị phải làm sổ sách kế toán giả. [10, Tr. 10-13]

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã khái quát các vấn đề lý luận về thuế TNCN như: khái niệm, nội dung và vai trò thuế TNCN và công tác quản lý thuế TNCN. Từ đó cho thấy, quản lý thuế TNCN là một yêu cầu tất yếu của quản lý Nhà nước về thuế. Việc quản lý thuế TNCN phải tuân thủ chặt chẽ quy trình cũng như quy chế làm việc của từng bộ phận chức năng trong cơ quan thuế, từ kiểm soát việc kê khai, nộp thuế cho đến quyết toán thuế TNCN.

Công tác quản lý thuế TNCN có đối tượng riêng, mục đích, yêu cầu và phương pháp riêng, tuy nhiên để thực hiện có hiệu quả thì Nhà nước cần phải trang bị cơ sở vật chất cho ngành thuế, nâng cao trình độ cán bộ thuế về mọi mặt. Mặt khác, hệ thống pháp luật của Nhà nước cần phải thật sự chặt chẽ và có hiệu lực.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ

THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

2.1 ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

2.1.1 Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam

Tỉnh Quảng Nam là một tỉnh ven biển thuộc vùng Nam Trung Bộ. Quảng Nam có diện tích tự nhiên 10.406 km², có tọa độ địa lý khoảng 108,26⁰ đến 108,44⁰ kinh đông và từ 15,23⁰ đến 15,38⁰ vĩ bắc. Phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế, phía nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp tỉnh Sêkoong của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Dân số 1.440.438 người (tính đến ngày 31/12/2011). Toàn tỉnh có 18 đơn vị hành chính trực thuộc, trong đó có 2 thành phố: Tam Kỳ và Hội An.

Tỉnh Quảng Nam có vị trí địa lý thuận lợi trong giao thông đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không; được thiên nhiên ưu đãi với nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, hệ thống sinh vật đa dạng và nguồn lợi thủy hải sản. Với bờ biển dài 125km, nhiều danh lam thắng cảnh và một lực lượng lao động dồi dào. Quảng Nam có điều kiện để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội.

Những năm qua Quảng Nam có nền kinh tế phát triển ổn định. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn trong năm năm 2005 - 2010 đạt bình quân 12,8%/năm; GDP năm 2010 tăng gấp 1,8 lần so với năm 2005; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Công nghiệp - xây dựng từ 34% tăng lên 39,5%; dịch vụ từ 35% tăng lên 39,5%; nông - lâm - ngư nghiệp từ 31% giảm xuống còn 21%; GDP bình quân đầu người (theo giá thực tế) đạt khoảng 17,66

triệu đồng/người/năm, vượt chỉ tiêu đề ra (17,37 triệu đồng/người/năm). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã kéo theo chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội. Tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng từ 28,74% năm 2005 lên đến 40% vào năm 2010. [1, Tr. 22]

- Về công tác thu Ngân sách, với sự nỗ lực của ngành thuế, sự phối hợp của các ngành liên quan, công tác quản lý thuế đã có chuyển biến tích cực; ý thức của NNT trong việc kê khai, nộp thuế tự giác và kịp thời hơn. Do đó, kết quả thu Ngân sách ở hầu hết các địa phương chuyển biến tốt hơn. Tổng thu NSNN năm 2010 trên địa bàn tỉnh là 2.741,7 tỷ đồng và tăng 52,6% so với cùng kỳ năm 2009. Trong năm 2010 thuế TNCN thu được 74,5 tỷ đồng, đạt 161,3% dự toán pháp lệnh, đạt 133% dự toán phần đầu và tăng 88,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng cao so với cùng kỳ là do chính sách ưu đãi thuế TNCN nằm trong nhóm giải pháp kích cầu của Chính phủ đã hết hiệu lực từ ngày 01/07/2009; số thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản phát sinh tương đối nhiều tại một số Chi cục thuế.

2.1.2 Đặc điểm lao động và tình hình thu nhập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Quảng Nam là một trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung và Tây Nguyên với tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh, điều kiện cơ sở hạ tầng, giao thông được nâng cấp, hàng loạt chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư vào tỉnh, khiến Quảng Nam trở thành điểm nhấn thu hút các nhà quan tâm trong và ngoài nước tranh thủ nắm bắt cơ hội này. Hàng loạt các khu công nghiệp được hình thành, hàng ngàn doanh nghiệp được thành lập... đã lôi kéo được số lượng lao động lớn trong và ngoài tỉnh. Lực lượng lao động tập trung khá đông vào khu vực ngoài quốc doanh và một phần khu vực đầu tư nước ngoài được thể hiện qua bảng số liệu 2.1 như sau:

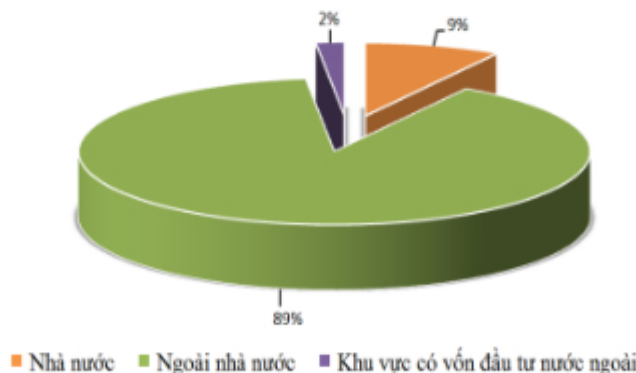
**Bảng 2.1 Tình hình lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh
Quảng Nam**

Đvt: người

Phân theo thành phần kinh tế	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1. Nhà nước	70.316	64.857	66.417	69.957	71.025
2. Ngoài nhà nước	687.511	709.662	725.525	727.711	744.289
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	9.294	10.679	11.162	14.528	15.386
Tổng số	767.121	785.198	803.104	812.196	830.700

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam năm 2007 - 2011)

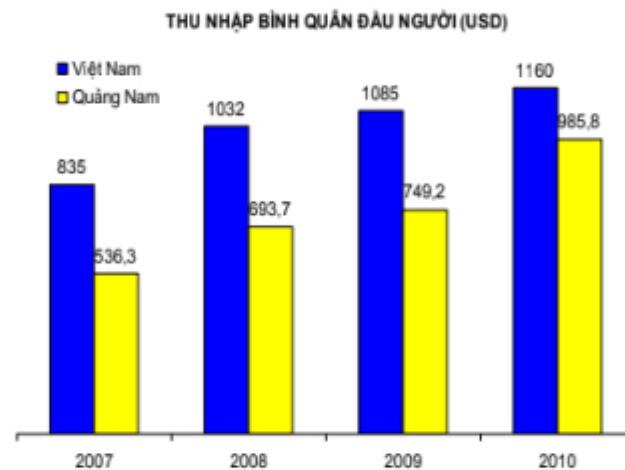
Qua bảng số liệu trên cho thấy tỷ trọng lao động tập trung vào khu vực ngoài nhà nước chiếm 89,6% trong tổng số lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Điều này cũng dễ hiểu là do trong những năm gần đây có rất nhiều doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập trên địa bàn tỉnh, nhiều khu công nghiệp đi vào hoạt động, vì vậy lực lượng lao động chủ yếu tập trung vào khu vực này.



(Nguồn: Niên giám thông kê tỉnh Quảng Nam năm 2011)

**Hình 2.1 Tỷ trọng lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh
Quảng Nam**

Mặc dù mức thu nhập bình quân của người dân tỉnh Quảng Nam tăng dần qua các năm tuy nhiên mức thu nhập này thấp hơn so với mức thu nhập bình quân của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Quảng Nam so với thu nhập bình quân của cả nước giai đoạn 2007 - 2011 được thể hiện qua biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam và niên giám thống kê)

Hình 2.2: Thu nhập bình quân đầu người ở Quảng Nam và Việt Nam

Với lực lượng lao động dồi dào và nguồn thu nhập trong dân cư đang có xu hướng ngày càng tăng như hiện nay là dấu hiệu tốt cho một nền kinh tế đang tăng trưởng và phát triển. Nếu công tác quản lý thuế TNCN phát huy được tính năng vốn có thì đây chính là nguồn thu tiềm năng, là cơ hội góp phần tăng nguồn thu không chỉ cho ngân sách tỉnh mà còn góp phần giải quyết được nhiều vấn đề xã hội mà chỉ có nguồn thu từ thuế mới có thể thực hiện được.

2.2 TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ Ở CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

Việc quản lý mọi loại thuế phát sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đều do Cục thuế tỉnh Quảng Nam đảm nhiệm. Do vậy, để có thể nắm bắt được mô

hình quản lý thuế TNCN trước tiên chúng ta tìm hiểu về mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

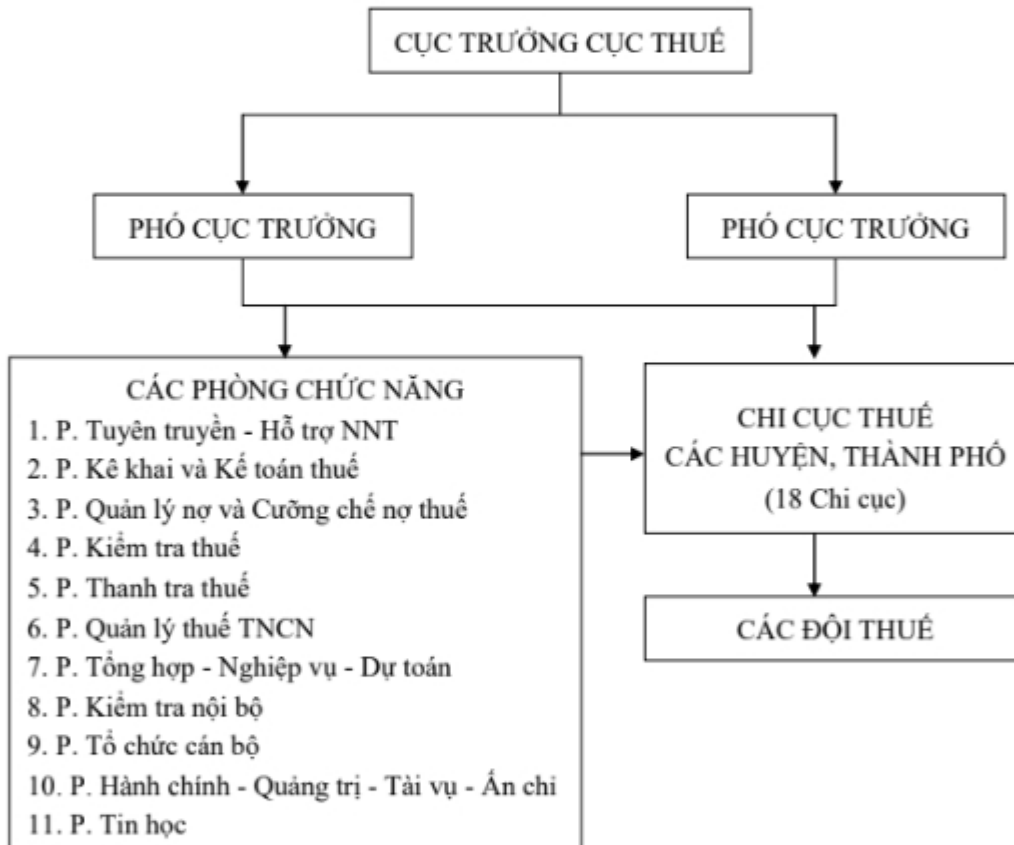
Cùng với việc tái lập tỉnh Quảng Nam, ngày 14/12/1996 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký quyết định 1136/TC/QĐ - TCCB V/v “Thành lập Cục thuế Nhà nước tỉnh Quảng Nam”. Cục thuế tỉnh Quảng Nam đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/1997. Ngay sau khi thành lập Cục thuế đã nhanh chóng ổn định bộ máy tổ chức để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách, trong thời gian đầu Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã gặp không ít khó khăn về công tác tổ chức điều hành, lãnh đạo Cục còn thiếu, lãnh đạo ở các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Cục chủ yếu được điều động từ các huyện, thị lên còn nhiều bỡ ngỡ, công tác phối kết trong quản lý thu thuế còn nhiều hạn chế. Mặt khác, các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thu của ngành.

Cục thuế tỉnh Quảng Nam có chức năng và nhiệm vụ là tổ chức thực hiện thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Cục thuế còn có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn NNT trên địa bàn tuân thủ pháp luật thuế theo quy định hiện hành.

Ngay từ khi đi vào hoạt động, Cục thuế Quảng Nam đã tổ chức bộ máy theo hệ thống chuyên ngành từ Cục thuế đến các chi cục thuế, đến các đội thuế xã - phường theo đúng quy định của ngành, đi vào hoạt động hiệu quả ngay từ những ngày đầu tiên thành lập. Tổ chức bộ máy luôn vận động và đổi mới để phù hợp với thực tế quản lý thu thuế.

Đặc biệt, là khi bước vào cải cách thuế, Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã khẩn trương tổ chức lại bộ máy của ngành theo đúng quy định tại Quyết định số 108/QĐ - TCT ngày 14/01/2010 của Bộ Tài Chính để triển khai thực hiện có hiệu quả các luật thuế mới và cải cách thuế trên địa bàn tỉnh.

Theo quyết định số 108/QĐ - BCT ngày 14/01/2010 của Bộ Tài Chính và quyết định số 502/QĐ - TCT ngày 29/03/2010 của Tổng cục thuế về quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc Cục thuế, Chi cục Thuế để cùng với cả nước triển khai hiệu quả Luật quản lý thuế mới. Bộ máy Cục thuế tỉnh Quảng Nam bao gồm 11 phòng và 18 Chi cục Thuế trực thuộc được tổ chức theo mô hình sau:



Hình 2.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Quảng Nam

- Nhiệm vụ của các phòng chức năng:

❖ **Phòng tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế:** tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giải thích và hướng dẫn về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ NNT trong phạm vi Cục thuế quản lý.

❖ **Phòng kê khai và kế toán thuế:** tổ chức thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Cục thuế quản lý.

❖ **Phòng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế:** tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý.

❖ **Phòng kiểm tra thuế:** kiểm tra, giám sát kê khai thuế, chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Cục thuế.

❖ **Phòng thanh tra thuế:** triển khai thực hiện công tác thanh tra người nộp thuế trong việc chấp hành pháp luật thuế, giải quyết tố cáo về hành vi trốn lậu thuế, gian lận thuế liên quan đến NNT thuộc phạm vi Cục thuế quản lý.

❖ **Phòng tổng hợp - nghiệp vụ - dự toán** (thực hiện cả chức năng pháp chế): chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế, xây dựng và thực hiện dự toán thu NSNN thuộc phạm vi Cục thuế quản lý; tổ chức thực hiện công tác pháp chế về thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục thuế quản lý.

❖ **Phòng quản lý thuế TNCN:** triển khai thực hiện thống nhất chính sách thuế TNCN, kiểm tra, giám sát kê khai thuế TNCN, tổ chức thực hiện dự toán thu thuế TNCN đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục thuế.

❖ **Phòng tin học:** tổ chức quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học ngành thuế, triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo cán bộ thuế trong việc sử dụng ứng dụng tin học trong công tác quản lý.

❖ **Phòng tổ chức cán bộ:** tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, biên chế, tiền lương, đào tạo cán bộ và thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ Cục thuế.

❖ **Phòng kiểm tra nội bộ:** tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế, giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan thuế, công chức thuế), tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Cục trưởng Cục thuế.

❖ **Phòng hành chính - quản trị - tài vụ - ấn chỉ:** tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý ấn chỉ thuế trong toàn Cục thuế.

❖ Chi cục thuế các huyện, thành phố: thực hiện bộ máy theo hai mô hình sau:

(1) Chi cục thuế thành phố (Hội An, Tam Kỳ) bao gồm các đội sau: Đội tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế; Đội Kế khai - kế toán thuế và tin học (thực hiện thêm chức năng quản lý thuế TNCN); Đội kiểm tra thuế (thực hiện thêm chức năng kiểm tra nội bộ); Đội quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ thuế; Đội Hành chính - nhân sự - tài vụ - quản trị - ấn chỉ; Đội quản lý thu lệ phí trước bạ và thu khác; Đội nghiệp vụ - dự toán (thực hiện thêm chức năng pháp chế).

(2) Chi cục thuế các huyện bao gồm các đội sau: Đội tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế (thực hiện thêm chức năng: nghiệp vụ - dự toán; pháp chế); Đội kế khai - kế toán thuế và tin học (thực hiện thêm chức năng quản lý thuế TNCN); Đội kiểm tra thuế (thực hiện thêm chức năng kiểm tra

nội bộ); Đội quản lý nợ và cưỡng chế thu nợ thuế; Đội hành chính - nhân sự - tài vụ - quản trị - ấn chỉ; Đội quản lý thu lệ phí trước bạ và thu khác.

Qua việc phân công chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban từng bước bảo đảm các nghiệp vụ trong quy trình quản lý thuế TNCN, được thực hiện đúng chính sách và thủ tục quản lý thuế của Cục thuế, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cơ bản nhất định:

- Do chức năng của một số phòng ban còn quá nhiều, kiêm nhiệm và chồng chéo dẫn đến vừa không bao quát hết toàn bộ các công việc, vừa “dẫm chân” lên nhau, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau trong công tác quản lý thuế TNCN. Cụ thể:

Theo quyết định 108/QĐ – BTC quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng ban thì số lượng chức năng, nhiệm vụ giao cho các phòng khá nhiều. Đồng thời, ở mỗi phòng luôn có một chức năng đặc trưng là “thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng phân công”. Vì thế, với nhiệm vụ được phân giao đã khá nhiều, còn phải thực hiện thêm công việc do Cục trưởng phân nhiệm, làm cho công việc của phòng nhiều lúc quá tải, hầu như cán bộ chỉ có thời gian thực hiện công việc chuyên môn, còn thời gian để nghiên cứu nghiệp vụ hoặc hỗ trợ các thành viên khác trong phòng hoặc phòng khác cũng rất khó khăn.

Phòng Tổng hợp - nghiệp vụ - dự toán với nhiệm vụ được phân công cụ thể nhưng phải kiêm nhiệm thêm chức năng của Phòng pháp chế. Đó là việc thẩm định, dự thảo các văn bản xử lý về thuế; tổ chức phổ biến học tập pháp luật về thuế cho cán bộ công chức của Cục thuế; tư vấn hỗ trợ các phòng, các Chi cục thuế trả lời các vấn đề liên quan đến chính sách thuế... Vì hiện tại Cục thuế chưa có Phòng pháp chế, do đó khiến công việc của phòng đôi lúc “ùn tắc” lại.

Một trong những chức năng của Phòng tổng hợp - nghiệp vụ - dự toán là tư vấn, hỗ trợ, trả lời vướng mắc về thuế cho cấp Chi cục thuế nhưng chức năng này cũng được phân công cho Phòng tuyên truyền - hỗ trợ người nộp thuế. Do vậy, tình trạng “đùn đẩy” công việc của các phòng là điều không thể trách khỏi.

Phòng kiểm tra thuế với chức năng chính là kiểm tra giám sát việc kê khai thuế, kiểm tra NNT nhưng lại chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với NNT thuộc phạm vi quản lý. Điều này khá mâu thuẫn vì vừa thực hiện công tác kiểm tra NNT sao lại có thể thực hiện được chức năng thu thuế. Trong khi đó, cơ chế quản lý thuế hiện tại là “tự khai, tự tính, tự nộp và tự chịu trách nhiệm”, xóa bỏ cơ chế hành thu ở cơ quan thuế.

Như vậy, với cơ cấu tổ chức như đã phân tích trên tất yếu sẽ làm giảm hiệu quả của việc quản lý thuế nói chung và công tác quản lý thuế TNCN nói riêng.

- Về chính sách nhân sự: đó là bao gồm toàn bộ các chính sách về tuyển dụng công chức, quản lý nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chế độ đãi ngộ khen thưởng, kỷ luật theo các văn bản quy định của Bộ tài chính và Tổng Cục thuế.

Việc tuyển dụng nhân sự tại Cục thuế được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và được dán công khai tại các đơn vị trực thuộc, không như trước đây chỉ bó hẹp cho “con, em trong ngành”. Và chính sách tuyển dụng đã có sự thay đổi mới đó là tất cả các thí sinh đều công bằng về cộng điểm ưu tiên theo quy định của Nhà nước, không có sự phân biệt thí sinh là cán bộ hợp đồng của Cục thuế hay thí sinh tự do bên ngoài. Đây chính là “điểm phá” của ngành thuế.

Về công tác đào tạo cán bộ được quan tâm hơn, trong thời gian qua với chương trình cải cách và hiện đại hóa ngành thuế, Cục thuế Quảng Nam đã có

sự đầu tư theo chiều sâu về tin học hóa nhằm ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế, qua đó đã đào tạo được đội ngũ cán bộ tin học cấp Cục thuế và cấp Chi cục thuế khá tốt, có thể viết được một số chương trình tin học phục vụ công việc quản lý thuế. Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng nhu cầu càng tăng do sự đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh, Cục thuế Quảng Nam đã trang bị thêm cho cán bộ về ngoại ngữ, về kỹ năng giao tiếp...trình độ nghiệp vụ cán bộ luôn được quan tâm, trao đổi thường xuyên, được thể hiện qua bảng 2.2 như sau:

Bảng 2.2: Trình độ cán bộ công chức tại Cục thuế Tỉnh Quảng Nam

(Đvt: người)

TT	Trình độ CBCC	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Chỉ tiêu chuyên môn		534	541	563	595	634
1	Trên đại học	0	0	0	2	5
2	Đại học	291	298	316	340	376
3	Cao đẳng	8	8	8	10	10
4	Trung cấp	210	210	214	216	216
5	Khác	25	25	25	27	27
Chỉ tiêu nghiệp vụ		191	204	235	294	319
1	Tin học	173	183	190	217	231
2	Ngoại ngữ	3	3	27	55	64
3	Khác	15	18	18	22	24

(Nguồn: Phòng Tổ chức cán bộ Cục thuế tỉnh Quảng Nam cung cấp)

Tuy nhiên, trong hoạt động quản lý chính sách nhân sự tại Cục thuế Quảng Nam còn bộc lộ một số hạn chế, cụ thể như sau:

- Công tác tuyển dụng công chức chưa được quan tâm nhiều đến chất lượng mà chỉ quan tâm đến bằng cấp, việc đào tạo lại cán bộ mới chú ý

đến phổ cập trình độ đại học theo hệ tại chức nên chất lượng chưa cao, chưa chú ý đến công tác đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, chuyên ngành. Như trong thời gian qua, từ năm 2007 đến năm 2011 có hai đợt tuyển dụng công chức, yêu cầu về bằng cấp không phân biệt loại hình đào tạo chính quy hay tại chức, và chỉ tiêu trung cấp được tuyển dụng khá cao, do đó bước đầu về chất lượng đội ngũ cán bộ có trình độ chưa cao

Bảng 2.3 Chỉ tiêu tuyển dụng công chức tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

(Đvt: người)

TT	Chỉ tiêu tuyển dụng	Số lượng	
		Năm 2007	Năm 2010
Về khối kinh tế		73	31
1	Trung cấp	51	10
2	Đại học	22	21
Về tin học		15	6
1	Trung cấp	10	3
2	Đại học	5	3
Tỷ lệ			
1	Trung cấp (%)	69,32	35,14
2	Đại học (%)	30,68	64,86

(Nguồn: Phòng Tổ chức cán bộ Cục thuế tỉnh Quảng Nam cung cấp)

Kết quả tuyển dụng trong thời gian qua theo thống kê Phòng tổ chức cán bộ có hơn 70% cán bộ được tuyển dụng ở trình độ trung cấp và đại học tại chức. Do vậy, chất lượng cán bộ còn hạn chế ắt hẳn ảnh hưởng đến chất lượng công việc nên hiệu quả việc quản lý thuế TNCN chưa cao.

- Việc sắp xếp cán bộ vào các vị trí tác nghiệp chưa phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường, việc luân chuyển, luân phiên cán bộ được áp dụng máy móc, chưa phù hợp với điều kiện thực tế của từng công việc, dẫn

đến cán bộ thuế không có kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu và chuyên môn hóa, mất nhiều thời gian tìm hiểu công việc mới.

Cụ thể một số cán bộ làm công tác tin học lâu năm nhưng không có bằng cấp về tin học thì luân chuyển sang bộ phận khác để cán bộ tin học mới tuyển dụng vào tiếp nhận công việc, trong khi đó cán bộ cũ có kinh nghiệm nhưng không được phân công kèm cặp cán bộ mới tuyển dụng khiến cho hàng loạt sự cố về máy tính xảy ra trong năm 2007, 2009. Hay phân công cán bộ mới tuyển dụng là kiểm soát viên vào làm thế cho cán bộ văn thư lưu trữ do thiếu chỉ tiêu trong vị trí này. Hoặc tại phòng kiểm tra, thanh tra thì cán bộ ở phòng này ít luân chuyển sang các phòng khác do nguyên nhân là những cán bộ này trước kia là quản lý doanh nghiệp, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý NNT, có kiến thức kiểm tra nếu chuyển sang phòng khác thì người mới tiếp nhận không có nghiệp vụ kiểm tra NNT, không quen doanh nghiệp, không quản lý được doanh nghiệp... Tuy nhiên, vấn đề này là có thể thực hiện được qua công tác đào tạo, nghiên cứu công việc. Mặc dù đó là những lý do khách quan và chủ quan nhưng cũng đã góp phần làm cho công tác nhân sự không đạt hiệu quả.

- Chế độ đãi ngộ và việc khen thưởng vẫn còn mang tính hình thức, chưa xây dựng tiêu chí xét thi đua theo chức năng, nhiệm vụ và kết quả đạt được của từng cá nhân, bộ phận. Việc xem xét kỷ luật cán bộ còn nhiều lúc chưa có sự nghiêm minh, cả nể, sợ mất cán bộ dẫn đến tiêu cực khó có thể bị đẩy lùi, mất lòng tin của cán bộ và NNT.

Đó là việc xét thi đua cuối năm được thực hiện theo tiêu chí là những cán bộ không rơi vào trường hợp bị kỷ luật, nghỉ sinh, nghỉ quá thời hạn quy định là những cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ và mặc định lãnh đạo các phòng ban là được khen thưởng mặc dù các nhân viên trong phòng không

hoàn thành nhiệm vụ, điều này đã tạo sự không công bằng trong việc xét thi đua, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể.

2.3 CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

Để đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam, luận văn đề cập đến hai vấn đề:

- Thứ nhất, căn cứ hoạt động của cơ quan thuế đối với việc chấp hành pháp luật của NNT, tác giả đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN thông qua quy trình quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

- Thứ hai, căn cứ vào hoạt động kiểm soát nguồn thu thuế TNCN tại Cục thuế, tác giả đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thông qua việc đánh giá các yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

2.3.1 Đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân qua quy trình quản lý thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định của Luật quản lý thuế ban hành ngày 20/11/2006 và các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế, đồng thời quy định của Luật thuế TNCN có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2009 thay thế cho Pháp lệnh thuế thu nhập đối với cá nhân có thu nhập cao, quá trình kiểm soát quản lý thuế TNCN bao gồm các nội dung sau:

- Quản lý quá trình đăng ký thuế, cấp mã số thuế.
- Quản lý quá trình kê khai và xử lý kê khai thuế.
- Quản lý quá trình nộp thuế và chứng từ thuế.
- Quản lý quá trình quyết toán thuế.
- Quản lý quá trình hoàn thuế.
- Quản lý quá trình thanh tra, kiểm tra thuế.

2.3.1.1 Công tác quản lý trong khâu đăng ký thuế, cấp mã số thuế.

Nguyên tắc để quản lý NNT đó là bất kỳ một cá nhân nào đang làm việc trong một cơ quan hay cá nhân tự hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải đăng ký thuế tại cơ quan thuế để được cấp MST. Thông qua MST cá nhân, cơ quan thuế sẽ giám sát được cá nhân đó có bao nhiêu nguồn thu nhập, những nguồn thu nhập phát sinh đó có thuộc diện nộp thuế TNCN hay không, có thuộc đối tượng được giảm trừ gia cảnh hay không và đã nộp thuế TNCN hay chưa, nếu đã nộp thuế thì số thuế đã nộp có đúng hay không...

Để quản lý người nộp thuế phải thực hiện việc đăng ký thuế và cấp MST cho tất cả các cá nhân có thu nhập thuộc đối tượng nộp thuế TNCN. Có hai hình thức để NNT thực hiện việc đăng ký thuế:

Một là, đăng ký thông qua cơ quan chi trả. Cá nhân có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cấp MST cho cơ quan chi trả thu nhập. Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp tờ khai đăng ký của từng cá nhân và nộp cho cơ quan thuế quản lý để làm thủ tục cấp MST cho từng cá nhân. Trường hợp cá nhân cùng một lúc nộp thuế TNCN qua nhiều tổ chức chi trả thu nhập thì thực hiện đăng ký tại một đơn vị chi trả thuận lợi nhất để cấp MST, sau đó có trách nhiệm thông báo MST được cấp với các cơ quan chi trả khác.

Hai là, đăng ký tại cơ quan thuế. Cá nhân thực hiện nộp tờ khai đăng ký cấp MST cho cơ quan thuế.

Quy trình đăng ký và cấp MST: Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT cấp mẫu tờ khai đăng ký thuế, hướng dẫn NNT lập hồ sơ đăng ký cấp MST. Sau đó chuyển hồ sơ đăng ký thuế về Phòng Kế khai và Kế toán thuế. Tại đây, Phòng Kế khai và Kế toán thuế thực hiện các bước công việc như: kiểm tra thủ tục hồ sơ, nhập và xử lý thông tin đăng ký thuế trên máy tính, truyền dữ liệu về Tổng cục thuế để kiểm tra tính duy nhất và hợp lệ của MST, nhận kết

quả kiểm tra từ Tổng cục thuế và thực hiện in Giấy chứng nhận đăng ký thuế, trả kết quả đăng ký thuế cho NNT. [2], [9].

Việc thực hiện đúng quy trình cấp MST của Tổng cục thuế ban hành đã giúp Cục thuế Quảng Nam quản lý khá tốt các cơ quan, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt kể từ khi Luật thuế TNCN thực thi, Cục thuế Quảng Nam đã đẩy mạnh công tác cấp MST cá nhân đến hầu hết các cơ quan chi trả thu nhập trên địa bàn bao gồm các tổ chức đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức sản xuất kinh doanh, các trường học, các trung tâm... Bất kể cá nhân làm công ăn lương trên địa bàn có mức thu nhập đến ngưỡng nộp thuế hay chưa nhằm tránh trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương ở nhiều nơi nhưng chỉ khai báo với cơ quan đang công tác một khoản thu nhập chính nơi đấy. Hoặc tránh tình trạng nhiều người đăng ký khai báo trùng về người phụ thuộc nhằm tránh nộp thuế TNCN.

Với tầm quan trọng của công tác quản lý TNCN qua MST, cơ quan thuế đã đẩy mạnh công tác đăng ký MST cá nhân đến các cơ quan chi trả thu nhập bằng cách gửi công văn đến tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các cơ quan chi trả thuộc khối đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các trường học... tuyên truyền về lợi ích từ việc đăng ký MST. Qua đó, sự nắm bắt pháp luật thuế của cá nhân và sự tuân thủ pháp luật thuế cũng được nâng cao. Với quy trình cấp MST cho các cơ quan chi trả, cá nhân được Cục thuế Quảng Nam thực hiện đúng trình tự và theo thời hạn quy định. Kết quả công tác đăng ký thuế được chú trọng, số lượng đơn vị chi trả, cá nhân đăng ký đã đáp ứng được phần nào công tác quản lý TNCN trên địa bàn.

Tình hình cấp MST cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua được thể hiện qua bảng 2.4 sau:

**Bảng 2.4 MST do Cục thuế tỉnh Quảng Nam cấp
qua các năm 2007 - 2011**

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Đăng ký MST qua cơ quan chi trả	0	1.154	85.382	27.875	12.105
Đăng ký MST tại cơ quan thuế	217	664	682	0	0
Tổng	217	1.818	86.064	27.875	12.105

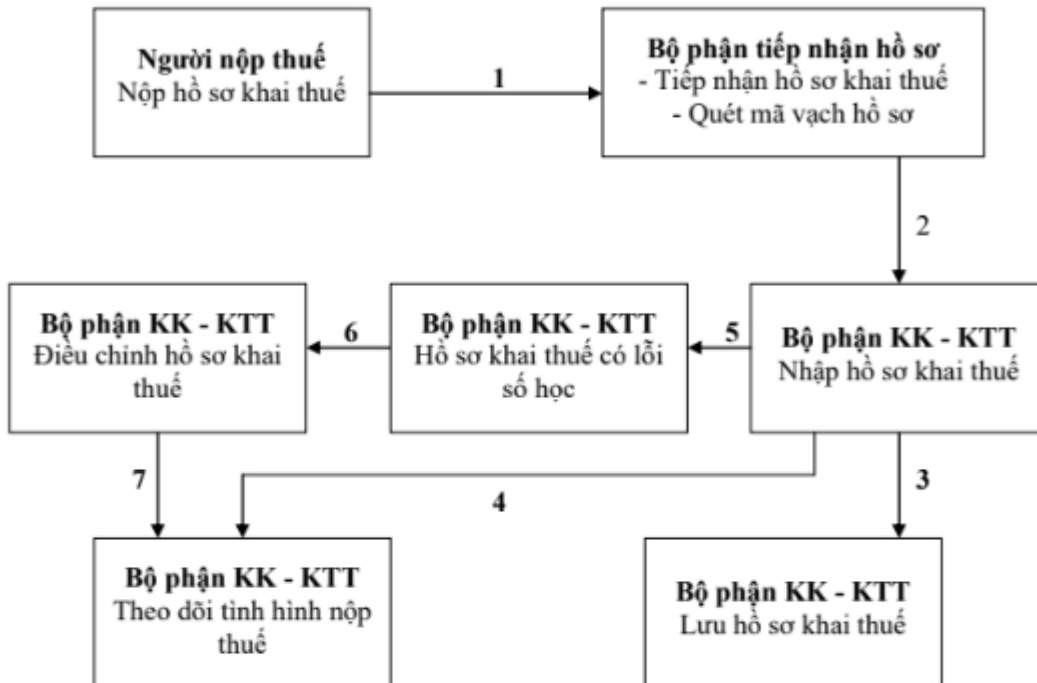
(Nguồn: Phòng Tin học - Cục thuế tỉnh Quảng Nam cung cấp)

Tuy nhiên, một hạn chế cơ bản mà cơ quan thuế tỉnh Quảng Nam chưa thể kiểm soát được đó chính là những cá nhân hành nghề độc lập, tự do chưa ý thức đến việc đăng ký MST trong khi đó đây là thành phần có thu nhập khá cao. Vì thế, đã dẫn đến tình trạng những cá nhân này cuối năm nếu đã tạm khấu trừ thuế nhưng chưa đến ngưỡng phải nộp thuế hoặc số thuế đã nộp tạm lớn hơn số thuế phải nộp, thì cá nhân này mới đăng ký thuế, xin cấp MST và xin hoàn thuế. Vấn đề này đang gây khó khăn cho cơ quan thuế, nếu thực hiện cấp và hoàn thuế thì cơ quan thuế làm sai quy trình quản lý thuế, nhưng nếu không thực hiện cấp MST và hoàn thuế thì sẽ gây thiệt hại cho cá nhân đó.

2.3.1.2 Công tác quản lý trong khâu kê khai và xử lý kê khai thuế

- Quy trình thực hiện kê khai thuế và xử lý kê khai thuế: Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ tiếp nhận các tờ khai thuế do NNT nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Trong ngày hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo chuyển tờ khai đến Phòng Kê khai và Kế toán thuế. Phòng Kê khai và Kế toán thuế kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các tờ khai thuế. Nếu tờ khai đã đầy đủ, hợp lệ thì nhập toàn bộ thông tin trên tờ khai thuế vào hệ thống máy tính, kiểm tra, đối chiếu kết quả trên hệ thống máy tính với tờ khai trên giấy của NNT. Nếu tờ khai thuế không hợp lệ thì yêu cầu NNT lập lại tờ khai khác để thay thế. Sau khi đã xử lý tờ khai, bộ phận Kê khai và Kế toán thuế thực hiện lưu trữ hồ sơ khai thuế và theo dõi tình hình nộp thuế của từng đơn vị. [2], [8].

- Tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam, tình hình quản lý việc kê khai thuế và xử lý kê khai thuế thực hiện chủ yếu thông qua đơn vị chỉ trả thu nhập, tuân thủ đúng quy trình. Quy trình xử lý tờ khai thuế được thực hiện như sau:



Hình 2.4: Quy trình xử lý tờ khai thuế

- Về kê khai thuế: Hàng tháng, trước thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, bộ phận quản lý thuế TNCN ở Phòng Kê khai và Kế toán thuế thực hiện rà soát, cập nhật và tổng hợp danh sách NNT phải nộp hồ sơ khai thuế TNCN để xác định số lượng hồ sơ khai thuế phải tiếp nhận, xử lý và theo dõi, đôn đốc tình trạng kê khai thuế. Do vậy, đối với số đối tượng NNT đã đăng ký thuế thì hằng tháng phần lớn đã thực hiện việc nộp tờ khai thuế đúng thời gian quy định, nếu có chậm trễ thì được Cơ quan thuế nhắc nhở kịp thời.

Tùy theo thu nhập phát sinh của từng đơn vị mà đơn vị đăng ký nộp thuế theo quý hoặc theo tháng. Nếu tổng số thuế TNCN của đơn vị phát sinh trong kỳ nộp thuế từ 5 triệu đồng trở lên thì đơn vị phải đăng ký nộp thuế theo

tháng, nếu số thuế TNCN phải nộp dưới mức 5 triệu đồng thì sẽ đăng ký nộp theo quý. Ngay từ đầu năm, bộ phận Kế khai và Kế toán thuế thực hiện rà soát, cập nhật và tổng hợp các đơn vị có phát sinh nộp thuế TNCN để xác định lượng hồ sơ tiếp nhận theo tháng hoặc quý. Quá thời hạn nộp hồ sơ theo tháng là ngày 20 của tháng sau hoặc ngày 30 của tháng đầu tiên quý sau nếu nộp hồ sơ theo quý, cơ quan thuế thực hiện lập biên bản và ra quyết định xử phạt hành vi nộp trễ tờ khai thuế.

Tuy nhiên, hầu hết các đơn vị là doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc việc kê khai thuế và nộp tờ khai đúng hạn. Còn một số rất lớn đối tượng nộp thuế là cá nhân kinh doanh, các cá nhân làm công ăn lương, các đơn vị hành chính sự nghiệp như các Trung tâm, trường học thì chưa tự giác kê khai thuế theo quy định, Cục thuế vẫn chưa kiểm soát được số đối tượng này. Nhất là việc thực hiện khấu trừ thuế 10% trên tổng thu nhập đối với các khoản chi trả cho cá nhân không phải là cán bộ công chức của đơn vị, có thu nhập từ 500.000 đồng/lần trở lên như: thu nhập từ các hoạt động đại lý hưởng hoa hồng, môi giới, tiền nhuận bút, tiền giảng dạy, tiền bản quyền, dịch vụ tin học, dịch vụ tư vấn, thiết kế...

- Về xử lý kê khai thuế: Việc xử lý kê khai thuế được Cục thuế tỉnh Quảng Nam thực hiện đúng quy trình, tuy nhiên tình hình nhắc nhở đơn vị phải điều chỉnh lại tờ khai sai sót thì mất khá nhiều thời gian. Để đơn vị lên điều chỉnh tờ khai sau khi làm các bước thủ tục phải mất hơn một tháng và thậm chí sau đó đơn vị chấp nhận nộp phạt tiền thuế hoặc bỏ trốn, giải thể... thì dữ liệu về kê khai không thể cập nhật được và cơ quan thuế buộc phải để trống và không thể theo dõi tình hình của đơn vị được.

Nhìn chung, Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã tổ chức thực hiện xử lý kê khai thuế theo đúng quy trình, từ khâu tiếp nhận hồ sơ, nhập hồ sơ khai thuế

vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế, kiểm tra lỗi số học của hồ sơ khai thuế, điều chỉnh hồ sơ khai thuế, đến khâu lưu hồ sơ khai thuế.

2.3.1.3 Công tác quản lý trong khâu nộp thuế, xử lý chứng từ nộp thuế

Hằng ngày, Phòng Kế khai và Kế toán thuế thu nhận được các chứng từ nộp thuế vào NSNN của NNT từ Kho bạc chuyển đến, tiến hành phân loại chứng từ nộp tiền theo tài khoản nộp thuế, theo đối tượng lập chứng từ, theo loại chứng từ; thực hiện kiểm tra các chứng từ nộp tiền đảm bảo đúng mẫu và đầy đủ các chi tiêu theo quy định. Chứng từ đã đúng quy định thì nhập các thông tin trên chứng từ vào hệ thống máy tính, hoạch toán số thuế đã nộp vào Sổ theo dõi thu nộp thuế. Chứng từ nộp thuế không đúng quy định, Phòng Kế khai và Kế toán thuế phải liên lạc với NNT hoặc Kho bạc yêu cầu chỉnh sửa.

Thời hạn nộp thuế TNCN vào NSNN chậm nhất vào ngày 20 của tháng tiếp theo phát sinh thu nhập. Đơn vị chi trả thu nhập chịu trách nhiệm khấu trừ và nộp tiền thuế đã khấu trừ vào NSNN. Hằng tháng hoặc quý, đơn vị chi trả phải trích, khấu trừ và kê khai số thuế thu nhập đã khấu trừ gửi cơ quan thuế và tự nộp thuế đã khấu trừ vào NSNN.

Nhìn chung, các đơn vị đã kê khai thuế thì đều nghiêm túc thực hiện nộp thuế vào NSNN. Vì đã quy định thời gian nộp thuế nên hầu hết các cơ quan chi trả thu nhập đã thực hiện khấu trừ thuế, nộp đủ và đúng hạn số thuế phải nộp phát sinh hằng tháng.

Thời gian qua, Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã có cố gắng trong công tác quản lý và khai thác nguồn thu, số thu năm sau có tăng hơn so với số thu năm trước. Tuy nhiên, do xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh quá thấp nên số thu NSNN của tỉnh so với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như so với ngành thuế cả nước trong những năm qua còn rất khiêm tốn.

Kết quả tình hình thu NSNN và thuế TNCN từ năm 2007 - 2011 được thể hiện ở bảng 2.5.

Bảng 2.5 Thu thuế TNCN ở Cục thuế tỉnh Quảng Nam từ 2007 - 2011

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng thu ngân sách	928,8	1.223,5	1.744,4	2.741,7	4.082,4
Thu từ thuế	649,5	888,6	1.404,8	2.205,2	3.536,4
Thuế TNCN	14,445	24,976	38,850	74,500	125,167
% thuế TNCN trên tổng thu thuế	2,224%	2,811%	2,766%	3,378%	3,540%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2007 - 2011 của Cục thuế tỉnh Quảng Nam)

Kết quả thu thuế TNCN qua các năm có tăng từ 14,445 tỷ đồng năm 2007 lên 125,167 tỷ đồng năm 2011, chiếm 3,54% trong tổng số thu từ thuế của Cục thuế tỉnh Quảng Nam. Nhìn chung, số thu từ thuế TNCN còn rất thấp, hình thức thu chủ yếu là thông qua cơ quan chi trả, số thuế thu chủ yếu từ tiền lương, tiền công và tập trung ở các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp mà Cục thuế đang quản lý. Tình hình thu thuế TNCN cụ thể tại các chi cục thuế trên địa bàn tỉnh Quảng Nam được thể hiện qua bảng 2.6.

Bảng 2.6 Bảng kết quả thu thuế TNCN của các chi cục thuế thuộc Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn 2007 - 2011

Đvt: triệu đồng

Khu vực	2007		2008		2009		2010		2011	
	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện
1. P. QL thuế TNCN	8.500	14.279	14.840	24.527	19.190	24.966	38.000	49.574	51.100	94.125
2. Hội An		166	160	73	4.500	3.925	6.000	7.108	9.000	7.913
3. Tam Kỳ			500	376	4.000	4.647	5.720	7.717	9.500	9.391
4. Phú Ninh					50	165	180	226	205	289

5. Núi Thành					500	1.080	1.080	1.545	1.650	1.473
6. Đại Lộc					630	454	600	1.048	1.050	1.493
7. Điện Bàn					1.750	1.330	1.670	3.464	3.500	5.072
8. Duy Xuyên					570	636	800	1.112	1.260	1.509
9. Quế Sơn					300	315	425	513	530	552
10. Thăng Bình					350	546	700	933	1.000	1.450
11. Hiệp Đức					30	91	120	208	250	319
12. Tiên Phước					30	177	150	205	180	333
13. Bắc Trà My					70	237	240	238	200	315
14. Nam Trà My						11	30	108	110	52
15. Nam Giang					10	87	90	100	110	190
16. Đông Giang						31	40	142	150	112
17. Tây Giang						43	40	81	40	51
18. Phước Sơn					20	88	100	145	130	423
19. Nông Sơn						21	15	35	35	104
20. Toàn tỉnh	8.500	14.445	15.500	24.976	32.000	38.850	56.000	74.500	80.000	125.167

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác thuế qua các năm của Cục thuế tỉnh Quảng Nam)

2.3.1.4 Công tác quản lý trong khâu quyết toán thuế

Theo quy định của Luật quản lý thuế, thời gian nộp tờ khai quyết toán thuế TNCN cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hồ sơ quyết toán thuế TNCN được chuyển đến phòng Kế khai kế toán thuế để kiểm tra tính đầy đủ các chỉ tiêu kê khai trên quyết toán, các tài liệu bổ sung theo quy định. Sau khi kiểm tra phòng Kế khai nhập dữ liệu vào Chương trình quyết toán thuế TNCN trên máy tính. Dữ liệu sau khi được nhập xong, một số phòng ban có chức năng sẽ tự khai thác dữ liệu phục vụ cho công việc của phòng.

Phòng quản lý thuế TNCN căn cứ vào dữ liệu quyết toán thuế TNCN đã nhập và các tài liệu kèm theo của các cơ quan chi trả hoặc cá nhân đã nộp, Phòng quản lý thuế TNCN với số liệu trên sổ theo dõi thu nộp thuế và các tài liệu liên quan (tờ khai đăng ký thuế, tờ khai đăng ký giảm trừ gia cảnh...). Kết quả đối chiếu và phân tích số liệu được ghi vào phiếu nhận xét quyết toán thuế. Cơ quan thuế có thể kiểm tra ngay đối với cơ quan chi trả có sai sót nhiều, có dấu hiệu vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nộp chậm hoặc không nộp quyết toán thuế TNCN. [2], [8], [11].

- Tình hình quản lý việc quyết toán thuế TNCN: Trong thời gian qua, do số lượng các cơ quan chi trả khá nhiều, số lượng cá nhân làm công ăn lương khá lớn, trong khi đó lực lượng công chức thuộc bộ phận Kế khai và quản lý thuế TNCN rất ít, chỉ có 15 người, chiếm 3% trên tổng số cán bộ toàn Cục thuế, nên việc nhập tờ khai hoặc quét mã vạch của đơn vị và nhận xét hồ sơ quyết toán thuế thường phải mất khá nhiều thời gian, và không chỉ có quyết toán thuế TNCN mà còn có quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt được kê khai hàng tháng.

Cán bộ nhập dữ liệu chỉ có 3 người làm việc về thuế TNCN, chiếm 0,6% tổng số cán bộ nhập dữ liệu, nên việc nhập dữ liệu trên tờ khai quyết toán thuế TNCN chưa đầy đủ và kịp thời. Thường phải đến hết tháng 8 hàng năm mới có thể xử lý được dữ liệu quyết toán thuế TNCN. Do vậy, việc dồn đốc số thuế TNCN còn phải nộp chưa được thực hiện kịp thời do chưa đủ thông tin trên mạng nội bộ - điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến tính kịp thời và đầy đủ theo quy định của Luật thuế TNCN.

Mặc khác, chỉ có phần mềm quyết toán thuế TNCN mà chưa có phần mềm quản lý thuế TNCN đồng thời, một số bộ phận không nhỏ công chức ở các chi cục thuế đa phần tốt nghiệp trung cấp hoặc được đào tạo dưới hình thức đại học tại chức, mở rộng nên kỹ năng phân tích thuế TNCN còn hạn chế

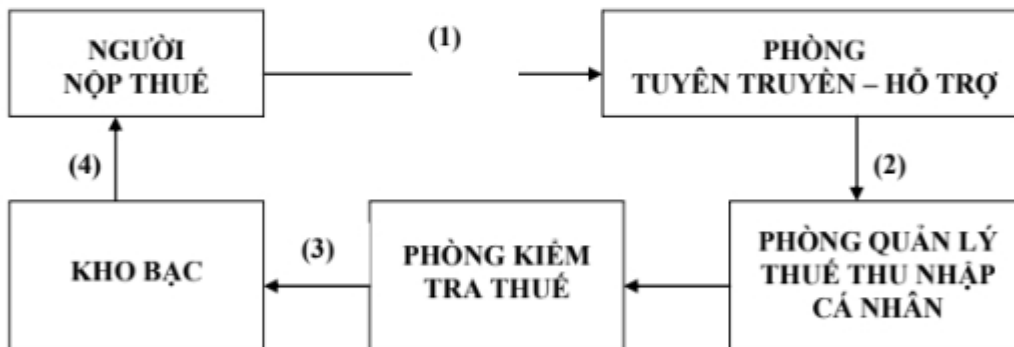
nên chất lượng việc phân tích không cao dẫn đến việc đề xuất tiến hành kiểm tra cơ quan chi trả một cách tràn lan, không tập trung vào các cơ quan đơn vị chi trả có số thuế TNCN lớn như công ty bảo hiểm, ngân hàng... do ở những đơn vị này việc tính thuế TNCN có phần hơi phức tạp, do đó đã ảnh hưởng đến chất lượng việc quản lý thuế TNCN.

2.3.1.5 Công tác quản lý trong khâu hoàn thuế

Cá nhân được hoàn thuế khi:

- + Số tiền thuế TNCN đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp trong kỳ tính thuế.
- + Cá nhân đã nộp thuế TNCN nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế.

Việc hoàn thuế TNCN chỉ được áp dụng đối với những cá nhân đã đăng ký thuế và có MST. Quy trình hoàn thuế TNCN được thực hiện như sau:



Hình 2.5 Quy trình hoàn thuế thu nhập cá nhân

(1) Tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế:

Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế của NNT nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ kiểm tra tính đầy đủ, đúng thủ tục, hợp pháp của hồ sơ hoàn thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế, Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Nếu hồ sơ hoàn thuế đã đầy đủ, đúng thủ tục thực hiện tiếp nhận, lập phiếu hẹn trả lời và chuyển đến Phòng Quản lý thuế TNCN. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế chưa

đầy đủ, đúng thủ tục, thì Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ sẽ hướng dẫn, cung cấp biểu mẫu để NNT bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ thuế theo quy định.

(2) Kiểm tra hồ sơ và giải quyết hồ sơ hoàn thuế:

Phòng Quản lý thuế TNCN sau khi nhận hồ sơ hoàn thuế do Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ chuyển đến, thực hiện như sau:

- Phân loại hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước kiểm tra sau hay kiểm tra trước hoàn sau. Tuy nhiên, theo các văn bản hướng dẫn hoàn thuế TNCN thì thuế TNCN được phép hoàn trước kiểm tra sau.

- Phân tích hồ sơ hoàn thuế: căn cứ hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT và số liệu kê khai của NNT có tại cơ quan thuế gồm:

- Đối chiếu thông tin trên hồ sơ hoàn thuế với dữ liệu đăng ký trên hệ thống tin học của cơ quan thuế.
- Đối chiếu số thuế đề nghị hoàn và các số liệu liên quan đến số thuế hoàn trên hồ sơ hoàn thuế.

- Phối hợp với bộ phận quản lý nợ để xác định số tiền nợ thuế, tiền phạt của NNT tại thời điểm hoàn thuế làm căn cứ bù trừ với số thuế được hoàn trong trường hợp còn nợ tiền thuế, tiền phạt.

- Phòng Quản lý thuế TNCN dự thảo lệnh hoàn trả và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Phòng Kiểm tra thuế để thẩm định lại hồ sơ hoàn thuế.

(3) Lập chứng từ ủy nhiệm chi hoàn thuế:

Phòng Kiểm tra thuế lập quyết định hoàn thuế, lập ủy nhiệm chi chuyển đến Kho bạc Nhà nước tỉnh hoàn thuế cho NNT, hạch toán số thuế đã hoàn trả. Căn cứ quyết định hoàn thuế và chứng từ ủy nhiệm chi hoàn thuế nhập kết quả vào máy tính để theo dõi tình trạng chi trả thuế và lập báo cáo về chi hoàn thuế TNCN.

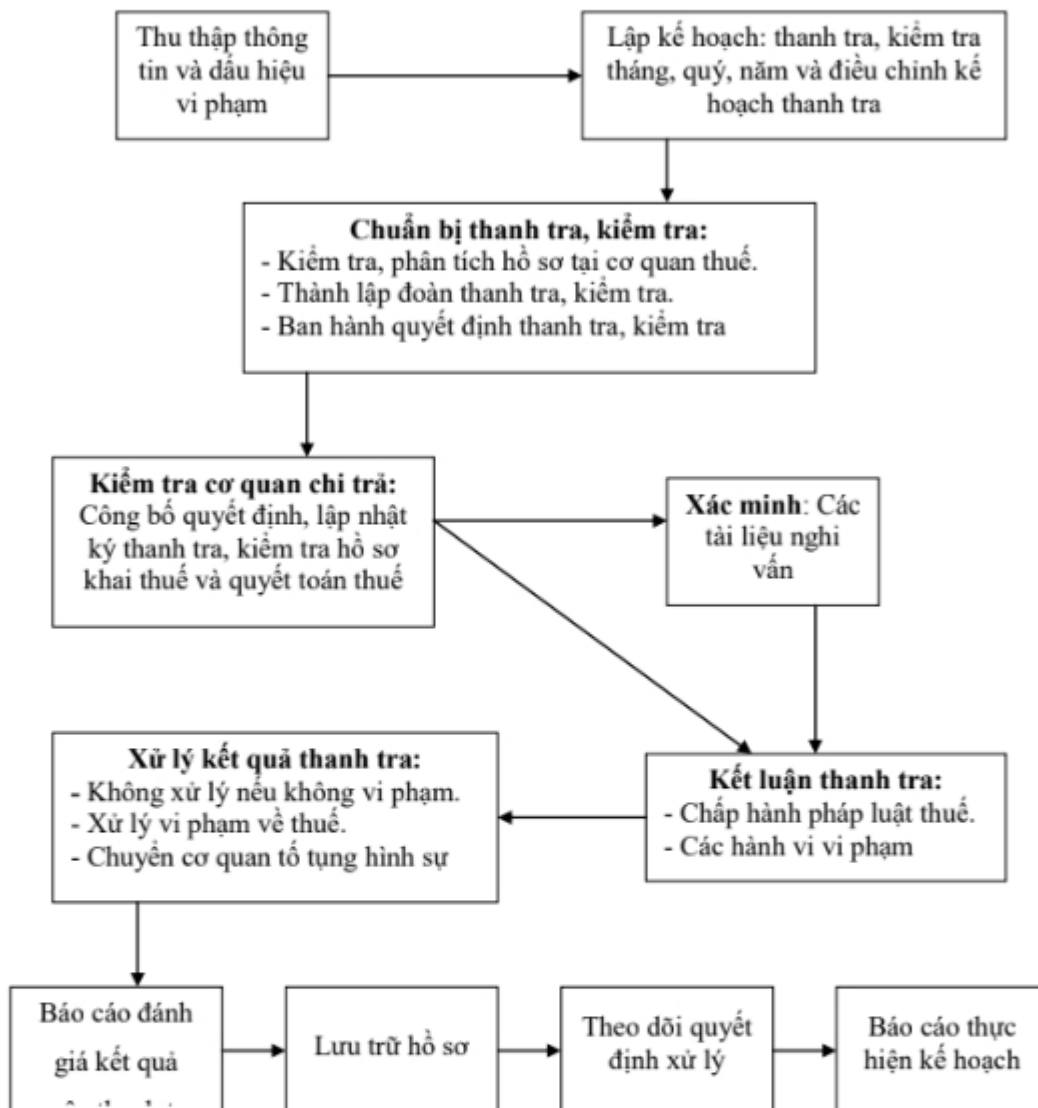
(4) Kho bạc sẽ thông báo việc chuyển tiền qua tài khoản hoặc bằng tiền mặt cho cá nhân.

Trong thời gian qua, Cục thuế Quảng Nam đã thực hiện đúng thủ tục quy trình hoàn thuế. Công tác tạm hoàn thuế theo tinh thần Thông tư 04/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài Chính được triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong năm 2011 đã xử lý tạm hoàn 13 hồ sơ, số tiền hoàn thuế 21,5 tỷ.

2.3.1.6 Công tác quản lý trong khâu thanh tra, kiểm tra thuế

Mục đích của việc thanh tra, kiểm tra thuế nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý thuế, nâng cao năng lực của cơ quan thuế trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận, trốn thuế. Tôn trọng, phát huy tinh thần tự giác nhận và tự chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện đúng quy định về kê khai thuế, nộp thuế. Thực hiện cải cách và hiện đại hóa công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Thanh tra, kiểm tra thuế là công cụ quan trọng để quản lý thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng, quy trình thanh tra, kiểm tra thuế TNCN được thực hiện như sau:



Hình 2.6: Quy trình thanh tra, kiểm tra người nộp thuế

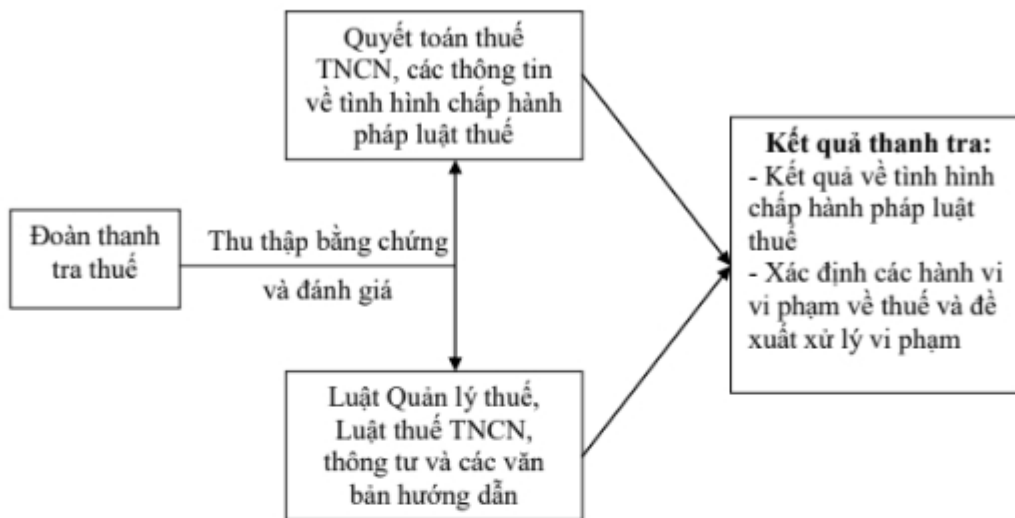
Để thực hiện quy trình quản lý thuế TNCN và thực hiện chức năng kiểm tra việc tuân thủ pháp luật thuế của NNT, hàng năm Cục thuế tỉnh Quảng Nam thành lập các tổ kiểm tra, đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế, thanh tra toàn diện hay hạn chế được thực hiện theo kế hoạch; thanh tra, kiểm tra bất thường khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật

thuế. Việc thực hiện công tác kiểm tra phải tuân thủ chặt chẽ các bước của quy trình thanh tra, các quy định của Luật thanh tra, Luật quản lý thuế. Bao gồm các bước:

(1) Việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra được tiến hành vào quý 4 hàng năm. Căn cứ thông tin chấp hành pháp luật thuế của NNT, định hướng của Tổng Cục thuế và lực lượng cán bộ thanh tra thuế để lựa chọn những đối tượng nộp thuế cần phải kiểm tra, xác định rõ hình thức thanh tra, kiểm tra cần áp dụng. Đây là bước quan trọng vì phải lựa chọn chính xác số đối tượng nộp thuế có vi phạm lớn để kiểm tra thu hồi ngay số tiền thuế có nguy cơ bị thất thoát, xử lý nghiêm minh, làm gương cho các đối tượng nộp thuế khác, tránh lãng phí nhân lực và vật chất do việc lập kế hoạch thanh tra không chính xác.

(2) Công tác chuẩn bị kiểm tra gồm: Việc tập hợp, phân tích tài liệu về NNT như số liệu trên báo cáo quyết toán thuế TNCN, bảng kê kèm theo, tờ khai hàng tháng, quý nhằm tìm ra những khả năng rủi ro về thuế, những sai sót, gian lận của NNT. Nhóm phân tích kiểm tra tính xác thực đối với hồ sơ thông tin và nghi vấn về NNT, đề xuất kiến nghị, giải pháp xử lý sau khi làm rõ các nội dung nghi vấn. Xác định rõ nội dung và thời điểm thanh tra đối với trường hợp cần thanh tra tại đơn vị chi trả thu nhập.

(3) Tiến hành thanh tra, kiểm tra tại đơn vị chi trả thu nhập thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 2.7 Sơ đồ một cuộc thanh tra, kiểm tra tại cơ quan chi trả

Căn cứ vào mục đích kiểm tra như quyết toán thuế, miễn giảm thuế, hoàn thuế TNCN hay thanh tra toàn diện mà tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, tính trung thực của từng hồ sơ tương ứng phát sinh trong niên độ kiểm tra. Trong toàn bộ quá trình kiểm tra, đoàn thanh tra phải lập nhật ký thanh tra để ghi lại toàn bộ diễn biến của từng cuộc thanh tra. Nội dung cần kiểm tra bao gồm:

- Kiểm tra tính trung thực của các nội dung trên tờ khai thuế, quyết toán thuế TNCN.
- Kiểm tra tính hợp pháp của các biểu mẫu, trình tự lập và luân chuyển chứng từ, phương pháp tính toán, phân bổ và hạch toán kế toán.
- Kiểm tra tính hợp lý của các đối tượng kế toán như thuộc đối tượng có hợp đồng lao động hay không, hợp đồng ngắn hạn hay hợp đồng thời vụ, nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tính hợp lý trong việc thực hiện chế độ tài chính.

- **Lập biên bản:** Kết thúc thanh tra, kiểm tra, đoàn thanh tra phải lập biên bản thanh tra, kiểm tra. Biên bản yêu cầu phải ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, phản ánh đầy đủ kết quả của cuộc thanh tra, kiểm tra và những kiến nghị xử lý vi phạm.

(4) **Xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra:** Trong thời hạn 10 ngày kể từ sau ngày công bố biên bản thanh tra, kiểm tra; Cơ quan thuế phải ban hành quyết định xử lý gửi đối tượng nộp thuế. Đây là văn bản thể hiện ý chí của Nhà nước trong việc kiểm soát thuế nhằm xử lý và thu hồi số thuế khai man, nợ đọng kịp thời vào NSNN; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế và người thi hành công vụ.

(5) **Đánh giá kết quả cuộc thanh tra, lưu trữ hồ sơ;** theo dõi việc thực hiện Quyết định xử lý và báo cáo thực hiện kế hoạch. Quy định này nhằm tổng kết kinh nghiệm, tìm ra những dạng hành vi vi phạm, phương thức trốn thuế, ... và phương pháp phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm đó; thực hiện lưu trữ hồ sơ; theo dõi, đôn đốc thu ngay vào NSNN các khoản phải truy thu và tiền phạt theo quy định.

Thực hiện mục tiêu cải cách và hiện đại hóa công tác thanh tra đối tượng nộp thuế, Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã triển khai công tác thanh tra, kiểm tra NNT từ khâu lập kế hoạch đến việc thực hiện thanh tra, kiểm tra tại cơ quan chi trả theo đúng quy trình thanh tra, kiểm tra, các quy định của Luật thanh tra, Luật quản lý thuế và Luật thuế TNCN. Bên cạnh đó, để triển khai Luật quản lý thuế, Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã tổ chức lại theo mô hình quản lý theo chức năng. Cán bộ công chức thuế được bố trí, sắp xếp lại, được đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên sâu trong từng lĩnh vực. Công tác thanh tra thuế, dựa trên cơ sở thu thập thông tin, đánh giá mức độ tuân thủ và xác định rủi ro phân loại doanh nghiệp để quyết định việc thanh tra thuế đối với từng trường hợp có vi phạm pháp luật thuế hoặc có rủi ro về

thuế. Việc thực hiện thanh tra theo quy định của Luật quản lý vừa tập trung được nguồn lực để thực hiện công tác thanh tra đúng đối tượng theo sự phân loại tốt hoặc chưa tốt dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật, nhằm chống thất thu thuế có hiệu quả, đặc biệt không làm phiền nhiễu những trường hợp đã thực hiện tốt pháp luật thuế. Kết quả đạt được qua thanh tra, kiểm tra từ năm 2007 - 2011 như sau:

Bảng 2.7 Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra từ năm 2007 - 2011

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
1	Doanh nghiệp Nhà nước					
	- Số đơn vị kiểm tra	20	24	24	21	18
	- Số thuế tăng qua kiểm tra (triệu đồng)	1.867	2.013	1.735	2.370	1.003
	- Trong đó: thuế TNCN (triệu đồng)	0	0	0	15	32
2	DN đầu tư nước ngoài					
	- Số đơn vị kiểm tra	0	0	3	1	0
	- Số thuế tăng qua kiểm tra (triệu đồng)	0	0	308	130	0
	- Trong đó: thuế TNCN (triệu đồng)	0	0	18	0	0
3	DN ngoài quốc doanh					
	- Số đơn vị kiểm tra	157	143	203	179	153
	- Số thuế tăng qua kiểm tra (triệu đồng)	1.068	1.932	10.560	912	503
	- Trong đó: thuế TNCN (triệu đồng)	0	0	0	0	15
4	Trung tâm, trường học, ban quản lý					
	- Số đơn vị kiểm tra	2	2	0	1	2

	- Số thuế tăng qua kiểm tra (triệu đồng)	63	24	0	17	36
	- Trong đó: thuế TNCN (triệu đồng)	0	0	0	6	0
5	Tổng cộng					
	- Số đơn vị kiểm tra	179	169	230	202	173
	- Số thuế tăng qua kiểm tra (triệu đồng)	2.938	3.969	12.603	3.429	1.542
	- Trong đó: thuế TNCN (triệu đồng)	0	0	18	21	47

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2007 - 2011 của Cục thuế tỉnh Quảng Nam)

Qua thanh tra, kiểm tra đã thu hồi số thuế TNCN nộp vào NSNN. Tuy nhiên, số tiền truy thu từ thuế TNCN so với tổng số thuế truy thu tăng qua kiểm tra là rất thấp. Cụ thể năm 2011 số thuế TNCN tăng thêm qua kiểm tra là 47 triệu đồng chiếm 3,05% trên tổng số thuế tăng qua kiểm tra.

Nhìn chung, công tác thanh tra, kiểm tra của Cục thuế tỉnh Quảng Nam chỉ tập trung ở hai sắc thuế thu nhập doanh nghiệp và giá trị gia tăng. Riêng sắc thuế TNCN công tác thanh tra, kiểm tra chỉ mang tính chất kết hợp khi kiểm tra các sắc thuế kia. Thông qua kiểm tra hồ sơ quyết toán doanh nghiệp để kiểm tra tổng quỹ lương, tổng số cán bộ công nhân viên để xác định thu nhập, so với số đã kê khai; riêng ở các trung tâm đào tạo, trường học, ban quản lý ngoài việc kiểm tra bảng lương còn thực hiện kiểm tra việc chấp hành khấu trừ 10% trên tổng thu nhập đối với các khoản chi trả cho cá nhân không phải là cán bộ công chức của đơn vị có thu nhập từ 500.000 đồng/lần trở lên. Ngoài ra, tỷ trọng đối tượng thanh tra, kiểm tra còn thấp do nhu cầu về thanh tra viên, trưởng đoàn thanh tra thực tế chưa đáp ứng các điều kiện của Luật quản lý thuế, Luật thanh tra quy định, tối thiểu trong một đoàn thanh tra phải có một thanh tra viên và trưởng đoàn thanh tra thấp nhất phải là thanh tra viên

được bổ nhiệm 3 năm hoặc Phó phòng hoặc đoàn thanh tra thuế phải có một chuyên viên chính, kiểm soát viên chính làm trưởng đoàn, tuy nhiên hiện nay số lượng chuyên viên chính, kiểm soát viên chính tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam quá ít nên khó khăn cho việc tổ chức thành lập các đoàn thanh tra thuế.

2.3.2 Hệ thống kiểm soát nội bộ tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

Trong công tác quản lý thuế, hệ thống kiểm soát nội bộ đã hình thành thông qua các chế độ, nguyên tắc trong công tác đối với hoạt động của cơ quan thuế, đặc biệt là thông qua quy trình quản lý thuế.

Hệ thống kiểm soát nội bộ tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam được phân giao cho phòng kiểm tra nội bộ, một phòng mới thành lập từ đầu năm 2007. Nhiệm vụ này từ năm 2006 trở về trước do phòng thanh tra đảm nhiệm, do vậy phòng kiểm tra nội bộ gặp nhiều khó khăn do mới thành lập nên chưa giải quyết kịp các vụ việc, đơn thư khiếu nại tố cáo và đặc biệt là công tác thanh tra nội bộ ngành trong việc thực hiện các quy trình quản lý thu thuế đối với NNT.

2.3.2.1 Môi trường kiểm soát

Về kiểm tra, kiểm soát nội bộ: Song song với việc thanh tra, kiểm tra NNT, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế, phòng thanh tra cũng vừa thực hiện chức năng kiểm tra nội bộ ngành trong việc thực hiện các quy trình quản lý thuế, trách nhiệm trong hướng dẫn, đôn đốc NNT chấp hành pháp luật thuế, do đó tự nó đã mang tính chất của bộ phận kiểm soát nội bộ. Đây là nhân tố quan trọng trong môi trường kiểm soát.

Những năm gần đây, Cục thuế Quảng Nam đã coi kiểm soát nội bộ là một trong những biện pháp quan trọng để chống thất thu thuế, do vậy đã tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành. Phòng Tổng hợp dự toán thực hiện rà soát quá trình lập kế hoạch thu của các chi cục và của các phòng; Phòng kiểm tra nội bộ theo kế hoạch đã lập và kiểm tra đột xuất dấu hiệu vi phạm do các

phòng, các chi cục thuế và phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, đơn khiếu nại... chuyển đến. Trong thời gian 5 năm từ 2007 đến 2011, phòng kiểm tra nội bộ của Cục thuế đã tiến hành 150 cuộc kiểm tra nội bộ, kết quả kiểm tra đã phát hiện một số cán bộ thuế không tuân thủ quy trình nghiệp vụ, nhiều trường hợp tính sai thuế gây thất thoát NSNN, chiếm dụng tiền thuế, không nộp kho bạc theo quy định, sử dụng biên lai không đúng quy định... và đề xuất các biện pháp truy thu nộp tiền thuế vào NSNN, đồng thời qua đó kiến nghị xử lý một số cán bộ thuế làm sai do nguyên nhân chủ quan, có tính hệ thống dễ răn đe, giáo dục trong toàn ngành. Kết quả của kiểm tra nội bộ và giải quyết đơn thư khiếu nại của Cục thuế Quảng Nam từ năm 2007 đến 2011 như sau:

Bảng 2.8 Kết quả kiểm tra nội bộ năm 2007 - 2011

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010	2011
1	Kiểm tra nội bộ	Lượt	15	29	25	46	35
2	Giải quyết khiếu nại	Lần	158	104	430	265	271
3	Xử lý cán bộ	Người	13	2	4	3	1
4	Số thuế truy thu	Triệu	195	152	427	168	57

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2007 - 2011 của Cục thuế tỉnh Quảng Nam)

Tuy nhiên, việc kiểm tra chưa được thực hiện một cách khách quan bởi cán bộ trong ngành đi kiểm tra công việc lẫn nhau. Nếu có gì sai sót thì nhắc nhở hoặc đổ lỗi cho nguyên nhân khách quan, bởi nếu hồ sơ kiểm tra nội bộ mà bị xử lý vi phạm thì sẽ không tốt cho phòng hoặc đơn vị khi ngành cấp trên về kiểm tra lại hồ sơ. Việc làm này giống hình thức “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, do đó công tác kiểm tra nội bộ còn mang tính khách quan.

- Về công tác kế hoạch: đây là khâu quan trọng trong quá trình kiểm soát thuế TNCN. Là khâu nêu rõ vấn đề cần kiểm tra cái gì, kiểm tra đối

tượng nào, kiểm tra trong bao lâu... cụ thể là việc xác định đối tượng nào để kiểm tra, thanh tra, các loại vi phạm pháp luật thuế nào thường xảy ra...

Tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam, công tác lập kế hoạch chỉ được chú trọng quan tâm đến các loại thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt vì đây là những sắc thuế có số thu, truy thu thuế khá cao, chiếm tỷ trọng nguồn thu Công thương nghiệp gần 90%, trong khi đó thuế TNCN chủ yếu từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh không nhiều chỉ bằng 7% trong tổng nguồn thu từ thuế giá trị gia tăng, vì vậy thuế TNCN chưa được quan tâm lưu ý đúng mức.

- Tác động từ môi trường bên ngoài: Nhân tố môi trường không kém phần quan trọng trong việc ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát thuế TNCN. Bởi thuế TNCN là một sắc thuế có diện điều chỉnh khá rộng, liên quan đến hầu hết dân cư trong xã hội nên có tính nhạy cảm khá cao, và vì đối tượng nộp thuế khá rộng, thu nhập phát sinh khá đa dạng và đối tượng được giảm trừ gia cảnh không giới hạn nên việc quản lý thu thuế cũng khá phức tạp. Mặt khác thuế TNCN chỉ là tên gọi mới (trước kia được gọi là pháp lệnh thuế đối với người có thu nhập cao) nhưng một trong những mục đích của việc ban hành thuế TNCN là thông qua điều tiết về thuế sẽ góp phần động viên các cá nhân đầu tư vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh, để gia tăng của cải cho bản thân và xã hội, khuyến khích làm giàu chính đáng, người có thu nhập cao thì nộp thuế cao, người có thu nhập thấp thì nộp thuế thấp, người có mức thu nhập như nhau thì tùy theo hoàn cảnh bản thân từng người mà mức nộp thuế sẽ khác nhau, tuy nhiên tâm lý của người dân ảnh hưởng khá lớn khi nhằm tưởng đây là sắc thuế mới “đánh” vào thu nhập của bản thân nên người dân khi nộp thuế TNCN đã có sự phản ứng khá mạnh.

2.3.2.2 Hệ thống kế toán thuế

Trong công tác quản lý thuế thì hệ thống kế toán thuế đóng vai trò quan trọng mà đặc trưng là cung cấp thông tin về việc chấp hành pháp luật thuế của NNT. Hệ thống kế toán thuế bao gồm hệ thống các sổ kế toán như sổ theo dõi thu nộp, theo dõi nợ, theo dõi hoàn thuế... Phòng tin học và xử lý dữ liệu thực hiện hạch toán, xử lý, cung cấp thông tin về tình hình thu, về NNT. Nhất là thông tin về đăng ký thuế, kê khai thuế, hoàn thuế...

Để quản lý nguồn thu thuế TNCN, hệ thống kế toán thuế sử dụng hệ thống mục lục ngân sách, với phương pháp ghi đơn hạch toán số thuế đã thu theo từng bộ phận, ngành hoặc theo khối trung ương, địa phương... tương ứng với chương, loại, khoản, mục theo quy định của Luật ngân sách. Số thu về thuế TNCN được hạch toán riêng trên mục 001, tiểu mục 01 (NNT là người Việt Nam), tiểu mục 02 (NNT là người nước ngoài) và tiểu mục 99 (thu nhập không thường xuyên) tách bạch theo từng NNT, nhằm theo dõi công nợ về thuế chính xác, liên tục. Ngoài ra, hệ thống kế toán thuế còn bao gồm kế toán ấn chỉ theo dõi quá trình nhận, in ấn, cấp phát, thanh toán và quyết toán ấn chỉ.

Bên cạnh những ưu điểm do hệ thống kế toán thuế mang lại thì hệ thống kế toán thuế vẫn còn một số hạn chế ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNCN nói riêng:

- Hệ thống kế toán thuế của cơ quan thuế thường có sự sai lệch giữa cơ quan thuế và kho bạc, nguyên nhân thường do lỗi người nhập dữ liệu. Từ năm 2009 trở về trước là cơ quan thuế nhập dữ liệu nhưng đến năm 2009 thì dữ liệu được kho bạc nhập, việc cơ quan thuế vừa đối chiếu dữ liệu kho bạc nhập ở chương trình quản lý với chứng từ thu rất mất nhiều thời gian. Khi cần lấy thông tin về NNT thì rất khó khăn nếu dữ liệu có sai sót. Thiết nghĩ, ở mỗi chứng từ đều có một ký hiệu, mã số khác nhau, tại sao bộ phận thông tin của

các đơn vị này không viết một chương trình có thể quét dữ liệu vào thông qua mã số, ký hiệu của các hóa đơn, chứng từ thì việc sai sót trong quá trình nhập rất khó xảy ra, dữ liệu chính xác, nhanh chóng, sẽ cung cấp thông tin về NNT một cách hiệu quả và đầy ý nghĩa.

- Số thuế TNCN được theo dõi trong chương trình kế toán nhưng lại chưa có chương trình quản lý thuế TNCN, vì thế hiện nay phòng quản lý thuế TNCN theo dõi từng cá nhân, đơn vị nộp thuế trên excel lại hay bị lệch số liệu với chương trình quản lý dữ liệu của hệ thống kế toán thuế. Điều này gây khó khăn cho công tác kiểm soát thuế TNCN.

- Phòng Kế khai và kế toán thuế thì xử lý dữ liệu, trong khi đó phòng tin học lại xử lý sự cố chương trình. Tuy nhiên, không phải cán bộ nào của phòng Tin học cũng biết về tính chất của từng công việc, bởi cán bộ phòng này là những người có chuyên môn tin học, còn chương trình quản lý thì mang tính chất kế toán. Nên nhiều lúc xử lý sự cố, cán bộ phòng tin học còn lúng túng, phải nhờ đến cán bộ phòng kê khai hướng dẫn tính chất công việc thì mới có thể sửa chữa được hoặc cán bộ phòng tin học phân công mỗi cá nhân quản lý một chương trình, nếu cá nhân đó nghỉ thì sự cố hôm đó khó có thể khắc phục được. Vì vậy, phòng Kế khai và kế toán thuế rất khó cho công tác cung cấp thông tin về NNT nếu các bộ phận khác yêu cầu khi có sự cố.

- Tóm lại, hệ thống kế toán tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam tuy đã góp phần quan trọng trong công tác quản lý nguồn thu cho NSNN, bảo đảm cho việc kiểm soát thuế TNCN có hiệu quả, song vẫn còn nhiều tồn tại bất cập đã nêu trên.

2.3.2.3 Các thủ tục kiểm soát

Trong hoạt động của Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã được lãnh đạo Cục thuế ban hành các quy chế làm việc dựa trên các quy trình nghiệp vụ do Tổng cục thuế ban hành. Các thủ tục kiểm soát được xây dựng dựa trên chức năng

và nhiệm vụ của từng bộ phận được quy định trong quy trình quản lý thuế, quy trình thanh tra, kiểm tra... Các nguyên tắc khi thiết lập các thủ tục kiểm soát đó là:

- Nguyên tắc phân công, phân nhiệm.
- Nguyên tắc bất kiêm nhiệm.
- Nguyên tắc ủy quyền.

Nhìn chung, hệ thống kiểm soát nội bộ của Cục thuế tỉnh Quảng Nam tuy còn một số hạn chế, nhưng cơ bản đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế, tạo ra môi trường kiểm soát lành mạnh, nâng cao ý thức trách nhiệm của NNT, góp phần nâng cao chất lượng của công tác quản lý thu NSNN nói chung và kiểm soát thuế TNCN nói riêng.

2.4 NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

2.4.1 Những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

Các năm 2007, 2008 thuế TNCN có tên gọi khác là thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Từ năm 2009 đến nay, có tên gọi mới là thuế TNCN, Pháp lệnh được nâng lên thành Luật, vì vậy tính pháp lý cũng như tính nghiêm minh của pháp luật thuế cũng được nâng lên, khoản thu nhập cá nhân cũng được mở rộng phạm vi và mức kiểm soát chặt chẽ hơn. Vì thế số thuế TNCN của các năm 2009, 2010, 2011 cũng tăng hơn so với các năm trước, mặc dù các năm 2009 đến nay chịu tác động lớn của tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới và tình hình lạm phát trong nước.

2.4.1.1 Những ưu điểm

- Quy trình quản lý thuế TNCN và quy trình thanh tra, kiểm tra được thực hiện nghiêm túc.

- Công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNCN đã đi vào nề nếp từ khâu đăng ký thuế, cấp MST, kê khai thuế, nộp thuế đến khâu quyết toán thuế, hoàn thuế.

- Công tác kiểm tra nội bộ được thực thi một cách nghiêm túc.

- Trình độ chuyên môn của cán bộ công chức được nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại và nâng cao chất lượng công tác quản lý thuế.

- Công tác tuyên truyền - hướng dẫn NNT ngày càng được quan tâm thể hiện đúng tinh thần “Cơ quan thuế và người nộp thuế là bạn đồng hành”.

- Với sự nỗ lực của ngành thuế, sự phối hợp của các ngành liên quan, công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tích cực rõ rệt, góp phần nâng cao ý thức của NNT trong quá trình thực thi pháp luật thuế, góp phần đảm bảo nguồn thu cho NSNN và đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư.

2.4.1.2 Những hạn chế

Qua phân tích, đánh giá trên cho thấy bên cạnh những ưu điểm trên, công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua còn bộc lộ một số mặt hạn chế nhất định, đó là:

- Về quy trình quản lý thuế TNCN: vẫn còn nhiều hạn chế do chưa có chương trình quản lý thuế TNCN trên máy tính, chỉ theo dõi tình hình chung của từng đơn vị có cá nhân nộp thuế TNCN. Do đó, rất khó khăn trong công tác quản lý thu nhập của từng cá nhân và khi quyết toán thuế TNCN thì cán bộ phải lục toàn bộ hồ sơ của chính cá nhân đó. Việc quản lý thuế TNCN mang tính thủ công, mất thời gian, quản lý không mang tính khoa học, hiệu quả chưa cao dẫn đến hạn chế khả năng quản lý nguồn thu thuế TNCN của cơ quan thuế.

- Về công tác quản lý thuế TNCN chưa được chú trọng đúng mức, chủ yếu đơn đốc thu các doanh nghiệp có đăng ký thuế, có quản lý thu các loại

thuế khác như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... còn các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác không thuộc đối tượng phải đăng ký, kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp thì chưa có biện pháp quản lý thu triệt để. Cụ thể như các trường học, các đơn vị hành chính sự nghiệp... chưa thực hiện nghiêm túc việc kê khai khấu trừ thuế TNCN trước khi chi trả cho cá nhân, nộp quyết toán thuế chưa đúng hạn và phải thường xuyên nhắc nhở.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thuế TNCN chưa được quan tâm đúng mức, chưa có giải pháp cụ thể trong việc phát hiện các hành vi vi phạm. Chỉ phối hợp kiểm tra thuế TNCN khi thanh tra, kiểm tra các loại thuế khác. Theo quy định của Luật quản lý thuế, chỉ có chuyên viên chính, kiểm soát viên chính của cơ quan quản lý thuế mới được thực hiện thanh tra thuế. Tuy nhiên hiện nay, số lượng chuyên viên chính, kiểm soát viên chính quá ít, nên chưa đủ lực lượng để tổ chức các đoàn thanh tra thuế. Việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế có nơi có lúc còn gặp khó khăn như NNT vi phạm nhưng không có số dư tiền gửi ngân hàng, nên các biện pháp cưỡng chế như trích tiền gửi tại ngân hàng không thực hiện được. Thanh toán bằng tiền mặt vẫn còn phổ biến. Luật quản lý thuế đã quy định cụ thể về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp cung cấp thông tin, trao đổi công tác trong quản lý thuế, nhưng trong thời gian đầu thực hiện do chưa có những chế tài cụ thể về trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức có liên quan, từ đó chất lượng công tác phối hợp quản lý thuế chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

- Đội ngũ cán bộ quản lý thuế TNCN của Cục thuế tỉnh Quảng Nam phần lớn có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ đáp ứng được nhiệm vụ. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận trình độ hiểu biết và thực thi về chính sách thuế còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế hiện đại và cải cách hành chính trong quản lý thu. Năng lực của một số cán bộ, công chức ngành

thuế chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế, phần lớn cán bộ cấp cơ sở chưa được đào tạo lại hoặc chưa nắm bắt kịp về kiến thức quản lý thuế mới. Thái độ và phong cách ứng xử nhiều trường hợp chưa thật tận tụy, công tâm, khách quan giữa quyền lợi của Nhà nước và quyền lợi của NNT, chưa trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của NNT; chưa trung thực, khách quan, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và cương quyết trong thi hành công vụ.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý thuế đã có sự thay đổi vượt bậc. Công tác tin học được ứng dụng rộng rãi ở các phòng ban, việc xây dựng các chương trình ứng dụng trong công tác quản lý được thực hiện ở quy trình quản lý về đăng ký thuế, cấp MST, quản lý biên lai ấn chỉ... tuy nhiên, chương trình về quản lý thuế TNCN thì chưa được xây dựng tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam nhằm lưu trữ dữ liệu, thông tin đầy đủ về NNT, đặc biệt là thông tin về những cá nhân làm công ăn lương, người lao động, thông tin về gia cảnh người phụ thuộc của chính cá nhân đó. Do đó, việc xử lý, lưu trữ thông tin đều làm thủ công, lưu trữ trên excel rất mất thời gian, tốn công sức lại khó tìm kiếm. Thông tin còn rời rạc, cập nhật chưa kịp thời và có tính khoa học. Đây chính là hạn chế rất lớn trong quá trình khai thác thông tin, dữ liệu về NNT để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra tính tuân thủ Luật thuế TNCN.

- Về công tác kiểm tra nội bộ: được xem là chức năng riêng của phòng kiểm tra nội bộ nhưng lực lượng của phòng lại rất mỏng, chỉ có 5 cán bộ. Phòng kiểm tra nội bộ chỉ mới thực hiện được chức năng này với các chi cục thuế thành phố, huyện thông qua kế hoạch kiểm tra hàng năm, còn đối với việc thực hiện quy trình quản lý thuế của các phòng chức năng trực thuộc Cục thuế thì vẫn còn bỏ ngỏ. Hệ thống kiểm soát nội bộ đang bám theo mục tiêu dự toán thu, nơi nào, bộ phận nào thu nhiều, cá nhân nào nộp thuế nhiều xem

như chấp hành tốt pháp luật thuế và ngược lại. Kiểm tra nội bộ chưa thật sự phát huy chức năng của nó.

2.4.2 Nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam

2.4.2.1 Nguyên nhân từ phía cơ quan Nhà nước

- Khi luật quản lý thuế ra đời, hàng loạt thủ tục hành chính về thuế được thay đổi, chỉnh sửa kéo theo hàng loạt các văn bản hướng dẫn luật quản lý thuế được ban hành, một số nội dung trong luật thuế TNCN không phù hợp với luật quản lý thuế như hoàn thuế (nguyên tắc quản lý thuế là phải kiểm tra trước hoàn sau nhưng thuế TNCN thì bắt buộc các khoản thu nhập đều được hoàn trước kiểm sau, miễn giảm thuế, xử phạt vi phạm... văn bản sau chồng chéo với văn bản trước khiến việc áp dụng luật thuế TNCN còn nhiều vướng mắc.

- Quản lý thuế theo mô hình chức năng, NNT phải tự tính, tự kê khai và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nhưng khi thực hiện thì thiếu một hệ thống quy trình đồng bộ theo chức năng, do vậy, trách nhiệm của một số bộ phận chưa rõ ràng, một số công việc giao cho bộ phận nào cũng xử lý được như kiểm tra trước hoàn, kiểm tra sau hoàn, xử lý kê khai về thuế...

- Cơ chế quản lý thuế còn một số bất cập, chưa được cải cách kịp thời. Cơ chế kê khai thu nhập chưa được áp dụng rộng rãi để bổ sung cho cơ chế khấu trừ tại nguồn. Các giải pháp quản lý kinh tế xã hội chưa được cải cách đồng bộ để hỗ trợ cho công tác quản lý thu thuế như quản lý thanh toán không dùng tiền mặt, đã làm hạn chế rất nhiều đến công tác quản lý thuế TNCN.

- Trình độ cán bộ thực hiện chức năng cơ bản của quy trình quản lý theo chế độ tự tính, tự kê khai, tự nộp chưa tương xứng. Lãnh đạo Cục thuế đã quan tâm đến các chức năng này nhưng trong điều kiện nguồn lực có hạn, nên

việc phân bổ nguồn lực đảm nhiệm được việc chi đáp ứng một mức độ nhất định, do đó tình trạng một số người công việc làm không hết, trong khi đó số còn lại không có việc làm. Trong khi thu nhập được trả theo hệ số, thâm niên công tác nên không khuyến khích tính năng động, sáng tạo trong công việc.

- Một số chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức và chưa thực sự coi công tác quản lý thuế là nhiệm vụ của địa phương mình. Các cơ quan chức năng, các tổ chức, cá nhân có liên quan như Công an, Ngân hàng, các cơ quan thông tin đại chúng... thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và có hiệu quả với cơ quan thuế trong việc cung cấp thông tin và các biện pháp hỗ trợ để thu đầy đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN.

2.4.2.2 Nguyên nhân từ phía người nộp thuế

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, thu nhập của người dân ngày càng cao, mức thu nhập của người lao động trên 5 triệu/tháng không còn là cá biệt.

Tuy nhiên, ý thức của người dân trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế rất hạn chế. Đây là một trở ngại lớn vì công tác tuyên truyền, giáo dục trách nhiệm và hướng dẫn quy trình, thủ tục đóng thuế chưa được quan tâm, đầu tư thích đáng. Hệ thống MST của thuế TNCN đã được áp dụng từ năm 2000, nhưng rất ít người biết đến. Người dân ít được biết đến tiền đóng thuế của mình được chi tiêu vào những nội dung gì, mình được hưởng những lợi ích gì nếu làm tốt nghĩa vụ nộp thuế TNCN.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở những kiến thức lý luận nền tảng đã trình bày ở chương 1, đề tài tiếp tục đi sâu vào phân tích thực trạng của công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

Việc thực hiện công tác quản lý thuế TNCN đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, nghiêm túc chấp hành pháp luật thuế của cơ quan, tổ chức chi trả, cá nhân có thu nhập. Một số đơn vị, cá nhân thực hiện khá tốt các chính sách pháp luật thuế và góp phần đưa chính sách thuế đi dần vào trong cuộc sống.

Tuy nhiên, nhìn một cách toàn diện công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam chưa thật sự đạt hiệu quả mong đợi, chưa bao quát, kiểm soát hết các đối tượng nộp thuế. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý đã từng bước thay đổi nhưng vẫn còn chồng chéo, ranh giới công việc chưa được phân định rõ ràng, cơ sở dữ liệu thông tin về NNT còn rời rạc, chưa kết nối tính thống nhất để có thể khai thác phục vụ cho công tác quản lý. Các thủ tục kiểm soát chưa theo kịp yêu cầu đổi mới trong công tác quản lý thuế... do đó đã gây trở ngại cho việc quản lý thuế, từ đó tạo ra những khe hở cho NNT có thể lạm dụng mà không bị xử lý.

Như vậy, với việc phân tích thực trạng ở chương 2, đề tài sẽ đưa ra các đề xuất, giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN ở chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

3.1 YÊU CẦU CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

3.1.1 Yêu cầu của xu thế phát triển và hội nhập kinh tế

Theo thông lệ của các quốc gia, thuế trực thu sẽ chiếm tỷ trọng lớn, ngược lại sẽ giảm dần tỷ trọng thuế gián thu. Việt Nam đang bước vào hội nhập sâu, rộng với kinh tế quốc tế và tiến trình chuyển đổi cơ cấu tăng dần tỷ trọng các sắc thuế trực thu (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế TNCN) đang có xu hướng tất yếu. Cụ thể các Hiệp định CFPT, AFTA cắt giảm hơn 80% dòng thuế nhập khẩu ở mức 0%, Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ thì 224 dòng thuế nhập khẩu giảm bình quân 30%... Và trong tương lai, khi mà tính bền vững của nguồn thu từ bán dầu thô và hoạt động xuất nhập khẩu không còn cao, nguồn tài nguyên rồi sẽ hạn chế dần, khi hòa nhập hoàn toàn vào cộng đồng thế giới thì thuế xuất nhập khẩu sẽ không còn nữa. Vì vậy, cần phải tạo nguồn thu mới, nuôi dưỡng và tận thu nội địa cho ngân sách là nhiệm vụ quan trọng của bộ máy Nhà nước.

Hội nhập kinh tế quốc tế, số người nước ngoài làm ăn sinh sống tại Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài cũng tăng lên, sự đa dạng và gia tăng thu nhập của các cá nhân trong xã hội sẽ làm cho khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư ngày càng lớn. Với tình hình đó, có thể thấy thuế TNCN ngày càng chiếm một tỷ trọng đáng kể trong NSNN.

Thế nhưng khả năng thu được thuế TNCN hiện nay không cao, chưa mang tính triệt để vì rất nhiều lý do như đa số thu nhập của người lao động đều trả bằng tiền mặt, hệ thống thông tin chưa phát triển, các khoản thu nhập

từ thừa kế, quà tặng còn khó kiểm soát và năng lực cán bộ thuế chưa đáp ứng được sự thay đổi của nền kinh tế. Do vậy hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN là yêu cầu tất yếu.

3.1.2 Yêu cầu về phát triển Ngân sách Nhà nước

Thuế TNCN là một loại thuế giữ vai trò quan trọng trong hệ thống thuế của các quốc gia hiện nay. Thuế TNCN không chỉ là một công cụ phân phối thu nhập đảm bảo sự công bằng xã hội mà còn là công cụ hữu hiệu động viên nguồn thu to lớn cho NSNN.

Kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì nhu cầu chi tiêu của nhà nước để giải quyết các vấn đề an ninh, quốc phòng, an ninh xã hội, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế... cũng ngày một gia tăng.

Bên cạnh đó, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế dẫn đến cơ cấu thu ngân sách cũng thay đổi theo hướng nguồn thu từ tích lũy trong nước được tăng dần và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN. Để đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững, để đảm bảo nguồn thu cho NSNN, việc tăng cường công tác quản lý thu từ thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng là rất cần thiết.

3.2 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

Trên cơ sở cơ chế quản lý tự khai, tự nộp cùng với mô hình quản lý thuế theo chức năng, để đáp ứng được các yêu cầu như đã nêu trên nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra, hoàn thiện công tác quản lý nguồn thu thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian đến chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau:

- Xây dựng các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN: căn cứ vào Luật thuế TNCN, Luật quản lý thuế, Thông tư

hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN, căn cứ vào những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua, xây dựng giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN thông qua quy trình quản lý thuế TNCN.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế trong giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 732/QĐ - TTg ngày 17/05/2011.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về Luật phòng, chống tham nhũng, lãng phí, theo dõi, tiếp nhận thông tin phản ánh từ đường dây nóng để kịp thời chấn chỉnh, xử lý công chức có biểu hiện những nhiều, tiêu cực. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phương pháp làm việc, củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ công chức.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ mà trọng tâm là thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 08/2011/QH13 ngày 06/08/2011 của Quốc hội về ban hành, bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

- Cải tiến và hoàn thiện môi trường kiểm soát: hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý thuế; hoàn thiện công tác tổ chức; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thuế. Thực hiện quản trị nhân sự một cách hợp lý; nâng cao năng lực, phẩm chất công chức thuế, kết hợp chế độ đãi ngộ phù hợp.

Đẩy mạnh và đa dạng hóa công tác tuyên truyền về thuế cho tất cả các tầng lớp nhân dân, để NNT tuân thủ pháp luật thuế một cách tự nguyện và biết rằng công tác thanh tra thuế đang tiến hành một cách hữu hiệu, sẽ bị xử phạt thích đáng nếu có hành vi vi

phạm pháp luật thuế. Cải tiến thủ tục hành chính đảm bảo cho NNT thuận lợi, đơn giản trong việc tự tính, tự kê khai và tự nộp thuế. [7]

3.3 NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM

3.3.1 Hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế thu nhập cá nhân

Bộ máy thu thuế muốn vận hành tốt không chỉ được tổ chức khoa học mà phải được phân phối lực lượng cán bộ thuế vào từng bộ phận, từng vị trí một cách hợp lý theo yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể và mục tiêu của cả hệ thống. Đồng thời công tác tổ chức chỉ ra được định hướng, biện pháp xây dựng lực lượng cán bộ thuế vừa giỏi nghiệp vụ, vừa có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức xây dựng kỷ luật tốt. Các công việc cần thực hiện như sau:

- Xây dựng chương trình quản lý cán bộ trên máy tính.
- Xây dựng bảng tiêu chuẩn cho từng cán bộ thực hiện từng công việc cụ thể trong mỗi chức năng quản lý của ngành, từng vị trí quản lý theo trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, năng lực tổ chức quản lý, đạo đức và tác phong, phẩm chất, thâm niên công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ các năm trước.
- Xây dựng nhu cầu năng lực cho từng chức danh công việc, chi tiết theo đơn vị hành chính (Cục và chi cục). Rà soát đánh giá từng cán bộ theo bảng tiêu chuẩn, sắp xếp, bố trí nhân sự vào các vị trí tác nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng năm và chiến lược đào tạo cán bộ đến năm 2015, tập trung đào tạo kiến thức nâng cao, nghiệp vụ quản lý, trình độ lý luận và tin học kể cả trình độ sau đại học vì trình độ hiện tại chưa đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chức năng quản lý thuế mới.
- Về cán bộ quản lý thuế TNCN: quản lý thuế TNCN không phải là nhiệm vụ riêng của các Phòng, đội quản lý thuế TNCN mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống thuế. Tuy nhiên, với chức năng chủ trì, tham mưu giúp

Cục thuế, chỉ cục thuế trong việc tổ chức triển khai Luật thuế TNCN như hiện nay sẽ không đủ đáp ứng yêu cầu quản lý và kiểm soát thuế TNCN. Do vậy, để đảm bảo nhân lực phục vụ công tác quản lý, kiểm soát thuế TNCN, Cục thuế tỉnh Quảng Nam nên:

Trước mắt, điều động cán bộ từ các bộ phận khác sang quản lý thuế TNCN như cán bộ đang thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đã có kinh nghiệm trong việc xác định giá bất động sản và các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng. Điều động một số cán bộ từ các phòng chức năng của Cục thuế đã có kinh nghiệm trong việc kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập cao.

Về lâu dài, Cục thuế cần phải tuyển thêm cán bộ mới có năng lực.

3.3.2 Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thuế

Trong quá trình phát triển của hệ thống thuế, đội ngũ công chức luôn là nhân tố, là lực lượng quyết định sự thắng lợi, đã đóng góp nhiều công sức vào thành tích của ngành thuế trong suốt thời gian qua. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, đội ngũ cán bộ công chức thuế đã trưởng thành, lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đã không ngừng phấn đấu, học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức, thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác thuế của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng đất nước.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trình độ cán bộ thuế cũng còn nhiều hạn chế, bất cập, cần phải khắc phục. Đặc biệt với yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì trình độ cán bộ thuế tỉnh Quảng Nam còn thiếu nhiều kiến thức, kỹ năng quản lý thuế. Các hạn chế cơ bản là:

- Nguồn nhân lực phân bổ chưa phù hợp, cụ thể như lực lượng cán bộ thuế làm công tác thuế TNCN còn quá mỏng, trình độ của một số cán bộ

thanh tra còn thiếu nhiều kiến thức chuyên sâu, chuyên nghiệp và kỹ năng quản lý thuế hiện đại.

- Một bộ phận cán bộ thuế, đặc biệt là ở cấp cơ sở chưa có ý thức trách nhiệm pháp luật cao, chưa làm tròn nhiệm vụ, bổn phận của công chức, chưa coi NNT là khách hàng quan trọng nhất để phục vụ, chưa coi NNT là bạn đồng hành của cơ quan thuế trong việc thực thi pháp luật thuế.

- Một số ít cán bộ do thiếu rèn luyện trong cơ chế thị trường nên bị sa sút phẩm chất, có tư tưởng vụ lợi, đã xuất hiện các hành vi gây phiền hà, sách nhiễu NNT trong việc kiểm tra quyết toán thuế, gây thất thu thuế cho Nhà nước là làm giảm lòng tin của NNT.

Vì vậy, để quản lý thuế TNCN có hiệu quả, cần phải có giải pháp nâng cao năng lực cán bộ quản lý thuế cả về chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức của cán bộ thuế. Để thực hiện được mục tiêu trên, cần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thuế theo hướng sau:

- Đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng thanh tra, đạo đức, phẩm chất của cán bộ làm công tác thanh tra với các nội dung: các chính sách thuế hiện hành, các thủ tục hành chính thuế hiện hành, kiến thức tin học và ngoại ngữ, trách nhiệm pháp luật, trách nhiệm công chức và đạo đức nghề nghiệp.

- Bố trí cán bộ thuế theo hướng chuyên môn hóa, chuyên sâu theo từng chức năng công việc, nhiệm vụ cụ thể phù hợp với mô hình quản lý theo phương pháp tự tính, tự khai, tự nộp thuế.

Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra nội bộ nhằm chấn chỉnh cán bộ thuế vi phạm quy trình quản lý thuế, quy trình thanh tra đối tượng nộp thuế của cán bộ thuế.

Tổ chức tập huấn thường xuyên cho cán bộ thanh tra, cán bộ quản lý thuế TNCN khai thác, ứng dụng các chương trình quản lý của Tổng cục thuế,

nhất là chương trình phân tích tình trạng thuế, các kỹ năng về công tác thanh tra; đúc kết, chia sẻ kinh nghiệm, biện pháp chống thất thu thuế TNCN.

- Định kỳ hằng quý, trên cơ sở đánh giá kết quả thanh tra NNT, các phòng, các chi cục thuế đánh giá những sai phạm phổ biến, những mảnh khoe, thủ đoạn trốn thuế TNCN, kinh nghiệm phát hiện sai phạm của NNT để phổ biến cho các cán bộ thuế nghiên cứu, rút kinh nghiệm.

- Định kỳ hằng năm, Cục thuế tiến hành kiểm tra và sát hạch trình độ chuyên môn của công chức thuế.

Để thực hiện các giải pháp trên, Cục thuế tỉnh Quảng Nam cần phải:

- Xây dựng tiêu chuẩn cho từng loại công chức thực hiện từng chức năng quản lý của ngành, trước mắt xây dựng tiêu chuẩn cho công chức thực hiện từng chức năng quản lý thuế, chức năng thanh tra thuế.

- Xây dựng các chương trình đào tạo dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để xóa dần các khoảng cách về trình độ của công chức hiện tại so với yêu cầu để thực hiện các chức năng quản lý thuế, chức năng thanh tra thuế TNCN.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên thuế kiêm nhiệm bằng nhiều biện pháp và hình thức (kết hợp các công chức có khả năng sư phạm với công chức có trình độ kinh nghiệm quản lý thuế).

- Rà soát, phân bổ nguồn lực thực hiện các chức năng quản lý thuế trong toàn ngành trên cơ sở đánh giá phân loại công chức.

- Lựa chọn công chức cử đi tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về công tác quản lý thuế, công tác thanh tra thuế tại các nước trong khu vực.

- Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn quản lý và đánh giá cán bộ công chức theo thâm niên công tác, từng vị trí công tác như: Lãnh đạo phòng, công tác tham mưu, công tác thanh tra kiểm tra. Qua đó xác định các kỹ năng, kiến thức còn thiếu của từng công chức để có hướng bồi dưỡng phù hợp.

- Quy hoạch và đào tạo một lực lượng cán bộ trẻ thực sự giỏi về chuyên môn và các kiến thức pháp luật, kiến thức quản lý để đảm đương các công việc mũi nhọn của ngành và các lĩnh vực quản lý thuế có độ phức tạp cao, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của công tác cán bộ trong quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Thường xuyên tổ chức hội thi trong toàn Cục thuế như: Thi cán bộ thuế giỏi, Tuyên truyền viên xuất sắc... và có chính sách khen thưởng kịp thời để động viên những cán bộ có thành tích trong học tập, thi đua, khen thưởng.

3.3.3 Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến thuế thu nhập cá nhân

Trong bối cảnh hiện nay, tình trạng trốn thuế, tránh thuế và các sai phạm về thuế còn khá phổ biến. Một trong những nguyên nhân của tình hình trên là do công tác tuyên truyền, phổ biến thuế TNCN cho người NNT chưa được coi trọng đúng mức, chưa tổ chức thực hiện thường xuyên, chưa có định hướng rõ rệt, hình thức nghèo nàn, lượng thông tin cung cấp còn ít ỏi, chưa đáp ứng được yêu cầu của NNT và xã hội, làm cho nhận thức của người dân về thuế TNCN còn hạn chế.

Luật thuế TNCN còn khá mới mẻ, chính sách thuế chưa ổn định, NNT không có hoặc chưa có điều kiện tiếp nhận kịp thời, chưa biết hết các thủ tục và nghĩa vụ thuế của mình. Vì vậy, càng cần thiết phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách thuế TNCN cho NNT, nhằm làm cho các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội nắm bắt kịp thời Luật thuế TNCN, hiểu rõ được bản chất tốt đẹp và ý nghĩa quan trọng của việc nộp thuế, đó là nghĩa vụ thiêng liêng và chính đáng của người NNT. Mọi hành vi trốn thuế, gian lận thuế không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật mà còn là hành vi vi phạm đạo đức công dân. Từ đó xây dựng ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về thuế của NNT.

Để công tác tuyên truyền, phổ biến Luật thuế TNCN mang lại hiệu quả, Cục thuế tỉnh Quảng Nam cần kết hợp nhiều phương thức phù hợp với khả năng hiện có của mình.

- Xúc tiến công tác giáo dục, tuyên truyền thuế của tất cả đội ngũ cán bộ thuế.

Công tác tuyên truyền hỗ trợ không thể chỉ do một bộ phận phụ trách chuyên môn thực hiện. Tất cả các cán bộ thuế cần có ý thức tự giác rằng, mình là người có nhiệm vụ và cần phải nỗ lực thực hiện chính sách tuyên truyền hỗ trợ trong mọi trường hợp. Ngoài ra, Cục thuế cũng nên phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tuyên truyền chiến lược cải cách hệ thống thuế mới, cung cấp tài liệu về chính sách thuế để biên tập, đăng tải trên Sổ tay Chi bộ do Ban Tuyên giáo xuất bản.

- Về hình thức tuyên truyền và hỗ trợ:

Để Luật thuế TNCN đến với mọi người dân, mọi tổ chức kinh tế một cách nhanh chóng, kịp thời, phải đa dạng hóa và nâng cao chất lượng cả hình thức tuyên truyền cũng như hình thức hỗ trợ. Như thế sẽ góp phần giúp NNT hiểu biết hơn về các quy định pháp luật đồng thời nâng cao tính tự giác của người dân.

Phòng Tuyên truyền hỗ trợ cần chủ động tham mưu cho lãnh đạo Cục thuế ký hợp đồng tuyên truyền với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Nam. Để thực hiện có hiệu quả chuyên mục “Thuế và cuộc sống” trên Đài, phòng nên xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng chuyên mục, từng tháng, tham mưu với lãnh đạo Cục thuế giao trách nhiệm cho từng lãnh đạo Chi cục, lãnh đạo các phòng mỗi đơn vị đảm nhiệm 1 phần việc trong công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về thuế. Nội dung chủ yếu là hướng dẫn những Luật thuế mới ban hành, sửa đổi bổ sung, đánh giá tình hình thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, biểu dương các doanh nghiệp, cá nhân chấp hành tốt chính

sách pháp luật về thuế, phê phán những trường hợp chây lỳ, nợ đọng thuế, giải đáp trực tuyến những vướng mắc về thuế của công dân và NNT.

Xây dựng chuyên mục “Những điều bạn cần biết về thuế” trên Báo Quảng Nam trên cơ sở kế thừa và phát huy chọn lọc những ưu điểm của chuyên mục “Chính sách thuế và cuộc sống” cùng với những ưu điểm của loại hình báo viết, các chuyên trang sẽ phát huy được thế mạnh, tính phổ cập cao có nội dung sâu rộng, ngày càng đi vào chiều sâu và đây thực sự là kênh tuyên truyền hỗ trợ chính sách thuế hữu hiệu, thiết thực, mang nét đặc trưng riêng của ngành thuế. Đối tượng tuyên truyền của kênh này tương đối rộng và toàn diện nên việc phối hợp với Báo Quảng Nam sẽ cung cấp kịp thời, sâu rộng các thông tin về chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế, giúp cho nhân dân, tổ chức, cá nhân NNT nắm vững các chủ trương, chính sách pháp luật về thuế, các quy trình nghiệp vụ thuế, các thủ tục hành chính thuế để chủ động trong hoạt động thực hiện nghĩa vụ thuế, đỡ mất thời gian tìm hiểu nghiên cứu về chính sách thuế cũng như trực tiếp phải đến cơ quan thuế để hỏi về chính sách thuế. Từ đó, NNT có thời gian để tập trung vào sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với NSNN góp phần tăng thu cho tỉnh nhà.

Bên cạnh đó, cần phải triển khai hình thức tuyên truyền mới, hấp dẫn hơn với công chúng như: tuyên truyền qua các panô, áp phích điện tử, tổ chức đồ vui kiến thức về thuế TNCN trên truyền hình, cung cấp miễn phí các thông tin qua mạng internet, hoặc đưa việc giáo dục pháp luật thuế vào chương trình của học sinh, sinh viên các cấp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tuyên truyền và hỗ trợ:

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ngành thuế cần áp dụng các tiến bộ mới của công nghệ thông tin vào các khâu của quản lý, trong đó có lĩnh vực tuyên truyền và hỗ trợ, cụ thể: xây dựng cơ sở dữ liệu về thuế trên mạng máy tính, các cơ sở

dữ liệu về thuế được tổng hợp một cách đầy đủ, khoa học sẽ giúp cho bộ phận tuyên truyền và hỗ trợ có căn cứ thông tin, tài liệu để nghiên cứu, tham khảo, phân tích và xử lý trong công việc.

3.3.4 Giải pháp về kiểm soát thuế đối với những khoản thu nhập của cá nhân

❖ Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

- Ở khâu đăng ký và cấp mã số thuế: Thực hiện gửi công văn đến tất cả các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh yêu cầu kê khai danh sách lao động của đơn vị mình, tiến hành cấp tờ khai đăng ký thuế theo số lượng lao động đăng ký, hướng dẫn thủ tục kê khai đăng ký thuế cho các cơ quan chi trả, các cơ quan chi trả thu nhập có nhiệm vụ hướng dẫn kê khai đăng ký thuế lại cho nhân viên của đơn vị mình và thu hồi tờ khai của cá nhân giao lại cho cơ quan thuế, cơ quan thuế kiểm tra và tổ chức cấp MST cho từng cá nhân đăng ký thuế. Cơ quan thuế kiểm tra việc chấp hành đăng ký thuế TNCN của các đối tượng nộp thuế thông qua danh sách lao động đã đăng ký, có sự đối chiếu với danh sách lao động ở các năm trước.

Thực hiện cấp MST cho tất cả các cá nhân ở các cơ quan, doanh nghiệp, không phân biệt có thu nhập chịu thuế hay không có thu nhập chịu thuế.

- Ở khâu khấu trừ thuế, nộp thuế, quyết toán thuế: Tổ chức, cá nhân phải thực hiện khấu trừ thuế trước khi trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công; khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tính trừ số thuế phải nộp vào thu nhập của đối tượng nộp thuế trước khi trả thu nhập. Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

- + Khấu trừ thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân có ký hợp đồng lao động, được tuyển dụng làm việc lâu dài, ổn định.

Việc khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công được thực hiện hằng tháng. Cơ quan trả thu nhập căn cứ vào tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công thực trả cho người lao động, thực hiện tạm giảm trừ gia cảnh cho NNT, người phụ thuộc theo đăng ký. Trên cơ sở thu nhập còn lại và biểu thuế lũy tiến từng phần. Cơ quan chi trả tính thuế và khấu trừ số thuế đã tính để nộp thuế vào NSNN.

+ Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp khác: các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân như tiền nhuận bút, tiền dịch sách, tiền giảng dạy, tiền tham gia các hiệp hội, hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban quản lý, tiền thực hiện các dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ văn hóa, thể dục thể thao, các dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng, dịch vụ pháp lý... có tổng mức trả thu nhập từ 500.000 đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế trước khi trả cho cá nhân.

Cuối năm, đơn vị chi trả tổng hợp toàn bộ thu nhập và căn cứ vào biểu thuế để xác định số thuế còn phải nộp, sau đó trừ số đã thu trong năm để xác định số thuế cần phải nộp thêm hoặc phải hoàn trả.

Thực hiện quyết toán thu nhập đối với từng cá nhân kể cả những cá nhân không phải nộp thuế TNCN, từ đó nắm bắt được thông tin về thu nhập của từng cá nhân, kiểm soát, bao quát các nguồn thu nhập và là cơ sở để công tác hoàn thuế được đơn giản, tiết kiệm thời gian. Đồng thời góp phần hạn chế tham nhũng, bất chính.

Cơ quan thuế quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ về thuế khấu trừ tại nguồn là cơ quan chi trả thu nhập. Trong năm, nếu tổ chức chi trả thu nhập không khấu trừ hoặc khấu trừ thiếu số thuế TNCN phải nộp của đối tượng nộp thuế, thì cơ quan đó phải nộp bằng tiền của đơn vị mình mà không được hạch toán vào chi phí, ngoài ra còn bị xử lý vi phạm về pháp luật thuế.

- Ở khâu hoàn thuế: Đối với đối tượng làm công ăn lương, việc hoàn thuế TNCN chủ yếu áp dụng đối với đối tượng có thu nhập từ tiền lương, tiền công trong năm đã tạm khấu trừ thuế nhưng khi quyết toán lại thuộc diện được hoàn thuế.

Đối với người chỉ có thu nhập tại một đơn vị chi trả, đơn vị chi trả sẽ thay mặt cơ quan thuế hoàn cho cá nhân nộp thuế, sau đó tổng hợp quyết toán chung với cơ quan thuế.

Đối với những người có thu nhập từ hai đơn vị chi trả trở lên, cơ quan thuế sẽ hoàn trực tiếp cho cá nhân nộp thuế.

Việc hoàn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công nên áp dụng cơ chế hoàn trước kiểm tra sau. Vì những người làm công ăn lương thường là những người có nhận thức tốt về pháp luật, giác ngộ chính trị cao. Do đó, khả năng gian lận về thuế là không nhiều, sai sót chủ yếu là trong việc tính toán. Hơn nữa, người làm công ăn lương thường có đơn vị chi trả ổn định, nếu có hoàn thuế sai vẫn có thể điều chỉnh lại thông qua đơn vị chi trả thu nhập.

Sau khi đã hoàn thuế, cơ quan thuế sẽ thực hiện việc kiểm tra, thanh tra để xác định chính xác số thuế xin hoàn.

- Ở khâu thanh tra, kiểm tra: Thực hiện kiểm tra đối với tất cả các hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế. Trình tự thanh tra, kiểm tra được thực hiện như sau:

Hồ sơ khai thuế được bộ phận tiếp nhận, kiểm tra các thủ tục hành chính và tài liệu kèm theo. Nếu chưa đúng thủ tục hành chính hoặc chưa đủ tài liệu kèm theo thì sẽ được thông báo yêu cầu bổ sung.

Đối với các hồ sơ đã đủ thủ tục sẽ được nhập vào dữ liệu hệ thống máy tính của cơ quan thuế. Hệ thống máy tính sẽ tự động kiểm tra, đối

chiếu, phát hiện những trường hợp có sai sót trong việc kê khai để cơ quan thuế thông báo yêu cầu điều chỉnh.

Đối với những hồ sơ đã được hệ thống máy tính kiểm tra, không phát hiện sai sót thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu thu thập được từ cá nhân nộp thuế và các nguồn khác đối chiếu với hồ sơ khai thuế, phát hiện các trường hợp có nghi vấn, yêu cầu cá nhân nộp thuế giải trình hoặc khai bổ sung nhưng chưa thỏa đáng thì cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, xác minh trực tiếp tại cơ quan chi trả thu nhập. Cơ quan thuế dựa vào những thông tin do đơn vị chi trả thu nhập và cá nhân nộp thuế khai báo, có phân tích, so sánh với một số tháng, năm liền kề; có phân tích, so sánh với thu nhập của người có cùng ngành nghề làm việc ở các đơn vị khác để xác định mức độ rủi ro.

Trường hợp qua kiểm tra hồ sơ khai thuế phát hiện vi phạm nghiêm trọng hoặc qua kiểm tra thực tế tại đơn vị chi trả thu nhập nhưng chưa rõ thì cơ quan thuế thực hiện thanh tra thuế.

❖ Đối với khoản thu nhập khác

Như đã đề cập ở chương 2, thời gian qua Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã bỏ ngõ và chưa kiểm soát được thu nhập của một số đối tượng nộp thuế hành nghề độc lập như bác sỹ, nha sỹ mở phòng mạch riêng, dược sỹ mở nhà thuốc, luật sư mở văn phòng, cá nhân cung cấp các dịch vụ tư vấn, tài chính, thiết kế, khảo sát... Giải pháp kiểm soát trước mắt đối với nhóm đối tượng này cụ thể như sau:

- Rà soát tất cả số đối tượng nộp thuế hành nghề độc lập, yêu cầu đăng ký cấp MST, kê khai thuế.

- Trên cơ sở đã kê khai, cơ quan thuế kết hợp với hội đồng tư vấn thuế phường, xã theo dõi địa điểm, lượng khách hàng, phân tích doanh thu kê khai, so sánh với số người nộp thuế khác cùng ngành nghề, để yêu cầu kê khai lại thu nhập thực tế.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với nhóm đối tượng này.

Như vậy, đối với các khoản thu nhập khác ngoài khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công, đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, trúng thưởng... (áp dụng các biện pháp khấu trừ tại nguồn), thì cách kiểm soát thu nhập là NNT phải tự kê khai, tự nộp thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai của mình. Cơ quan thuế sẽ thực hiện cấp MST cho tất cả NNT, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; xây dựng cơ sở dữ liệu về NNT, kết nối thông tin với các cơ quan hữu quan để kiểm tra đối chiếu các loại thu nhập, nhằm đảm bảo bình đẳng về nghĩa vụ thuế đối với tất cả các đối tượng nộp thuế.

❖ Đối với hộ kinh doanh:

Những năm qua, thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, khu vực kinh tế hộ cá thể sản xuất kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ phát triển rất mạnh, đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Khu vực hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ngày càng phát triển cả về số lượng lẫn quy mô, ngành nghề kinh doanh, nhiều hộ phát triển thành các doanh nghiệp và các công ty. Sự phát triển kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh nói chung và hộ kinh doanh cá thể nói riêng đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội tỉnh và đang trở thành một lực lượng kinh tế quan trọng.

Bên cạnh những yếu tố tích cực đã nêu trên, sự phát triển của hộ kinh doanh cũng tạo nhiều thách thức trong công tác kiểm soát của cơ quan thuế. Đó là:

- Kinh tế của hộ kinh doanh dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, người chủ sở hữu toàn quyền quyết định phân phối kết quả làm ra.

Vì vậy, vì mục đích lợi nhuận cao, hộ kinh doanh luôn tìm mọi biện pháp để đạt được kể cả trốn thuế.

- So với khu vực doanh nghiệp thì ý thức tuân thủ pháp luật của hộ kinh doanh là thấp nhất. Nguyên nhân có phần do trình độ văn hóa chưa cao, nhận thức pháp luật còn hạn chế.

- Một đặc điểm mang tính cố hữu, đại bộ phận những cá nhân kinh doanh đều không thực hiện chế độ kế toán hóa đơn chứng từ, mà nếu có thực hiện cũng không đúng quy định, nên việc xác định chính xác doanh số kinh doanh của đối tượng cũng là một khó khăn. Hơn nữa, trong điều kiện thanh toán tiền mặt vẫn là phương thức giao dịch kinh tế chủ yếu ở nước ta, đối với hộ kinh doanh càng phổ biến hơn, thì việc kiểm soát các khoản thu phát sinh chẳng mấy dễ dàng.

- Bên cạnh đó, việc quản lý gia cảnh đối với cá nhân kinh doanh cũng phức tạp hơn so với người làm công ăn lương. Bởi trong khi quyền lợi về chính trị và kinh tế của người làm công ăn lương gắn tương đối chặt với đơn vị sử dụng lao động thì với cá nhân kinh doanh, mọi quyền lợi có khả năng phát sinh đều không gắn với tổ chức nào, nếu có gắn kết thì cũng rất lỏng lẻo, nên những trường hợp khai gia cảnh và người phụ thuộc không trung thực có thể sẽ không ít. Ngoài ra, trên thực tế có một bộ phận không nhỏ các hộ kinh doanh không có đăng ký kinh doanh nên các căn cứ pháp lý để xác định đối tượng và quản lý thuế cũng rất khó mà tìm được.

Thực hiện Luật thuế TNCN, từ năm 2009 tất cả các đối tượng nộp thuế là Hộ kinh doanh trước đây thuộc diện điều chỉnh của Luật thuế TNCN nhằm thực hiện điều tiết bình đẳng thu nhập của cá nhân, không phân biệt từ thu nhập kinh doanh hay thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Với ý nghĩa và lý do trên, nhằm góp phần củng cố nguồn thu thuế TNCN cho NSNN, Cục thuế tỉnh Quảng Nam nên thực hiện các giải pháp sau:

- Biện pháp tối ưu hàng đầu là tận dụng triệt để và phát huy những kinh nghiệm tốt mà quá trình kiểm soát hộ kinh doanh thời gian qua đã đúc kết; đồng thời nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cơ quan thuế nói chung và cán bộ ở các đội thuế phường, xã trực tiếp quản lý hộ kinh doanh nói riêng.

Để đảm bảo quản lý sát doanh số, chi phí và thu nhập của cá nhân kinh doanh, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn với các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là phối hợp chặt chẽ hơn nữa với hội đồng tư vấn thuế phường, xã, bởi đây là tổ chức gần dân và sát dân nhất nên sẽ hỗ trợ tích cực cho ngành thuế trong việc quản lý đối tượng này. Thông qua hệ thống dịch vụ hỗ trợ, cơ quan thuế sẽ cung cấp đầy đủ thông tin, kịp thời hướng dẫn các thủ tục cũng như giải đáp nhanh những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để NNT thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với NSNN.

Bên cạnh đó, cơ quan thuế sẽ tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện kịp thời những trường hợp cố tình vi phạm về kê khai thuế TNCN để xử lý nghiêm theo luật định. Cụ thể:

- Về đăng ký thuế: Đối với số hộ kinh doanh chuyển từ đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì cơ quan thuế yêu cầu kê khai các thông tin bổ sung để phục vụ cho việc tính thuế TNCN. Thông qua các đội thuế phường, xã, tăng cường giám sát, nắm bắt những hộ đã kinh doanh nhưng chưa làm nhiệm vụ đăng ký thuế đưa vào diện kiểm soát. Phối hợp với ngành quản lý đăng ký kinh doanh (Sở Kế hoạch đầu tư) nắm bắt số hộ ra kinh doanh mới, tổ chức phát tờ khai đăng ký thuế và thu hồi tờ khai đăng ký thuế của hộ kinh doanh. Trên cơ sở tờ khai đã thu hồi, để cấp MST.

- Về kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế: Cần phải phân loại hộ kinh doanh theo quy mô và ngành nghề để xác định hộ kinh doanh có thể áp dụng quản lý theo kê khai và hộ kinh doanh quản lý theo khoán ổn định.

- Đối với hộ kinh doanh thực hiện đúng chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ sẽ kê khai tạm nộp thuế TNCN theo quý căn cứ vào thu nhập tạm tính. Cuối năm quyết toán nộp theo số thực tế phát sinh. Khi quyết toán, nếu phát sinh hoàn thuế sẽ áp dụng kiểm trước, hoàn sau.

Để giảm thiểu việc hoàn thuế đối với nhóm đối tượng này thì ngay từ đầu năm hộ kinh doanh sẽ phải đăng ký số người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh với cơ quan thuế. Trong năm, nếu có sự thay đổi về người phụ thuộc, hộ kinh doanh phải khai báo bổ sung với cơ quan thuế.

Khi tạm tính số thuế phải nộp theo quý, hộ kinh doanh sẽ được tạm giảm trừ gia cảnh theo số người phụ thuộc đã đăng ký, cuối năm quyết toán sẽ xác định theo giá thực tế. Cơ quan thuế căn cứ vào kê khai của hộ kinh doanh sẽ kiểm tra tính trung thực của hồ sơ kê khai, thực hiện so sánh với các trường hợp cùng quy mô, nếu thấy bất hợp lý sẽ tiến hành xác minh. Qua xác minh, hoặc điều tra trực tiếp có đủ căn cứ khẳng định hồ sơ kê khai thiếu trung thực, trốn thuế sẽ thông báo yêu cầu hộ kinh doanh điều chỉnh lại. Nếu việc điều chỉnh không hợp lý, cơ quan thuế sẽ ấn định doanh thu, mức thuế phải nộp.

- Đối với hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán: Cơ quan thuế sẽ kết hợp với Hội đồng tư vấn thuế phường, xã để ấn định doanh thu, chi phí làm căn cứ ấn định thuế thu nhập. Căn cứ thu nhập ấn định và số người phụ thuộc của hộ kinh doanh đã khai báo để ấn định mức thuế TNCN phải nộp cả năm, từng quý và thông báo cho hộ kinh doanh biết để hộ kinh doanh phải nộp.

▪ Về công tác thanh tra, kiểm tra thuế; Cần phải cải tiến và hiện đại hóa công tác thanh tra đối với hộ kinh doanh. Hướng cải tiến là tập trung kiểm tra những hộ kinh doanh có dấu hiệu trốn thuế, lậu thuế lớn trên cơ sở thu thập được các thông tin có liên quan. Hạn chế việc thanh tra tràn lan vừa lãng phí nhân lực và kinh phí của cơ quan thuế, vừa phiền hà đối với hộ kinh doanh. Cụ thể:

- Tập trung kiểm tra, thanh tra thuế đối với những hộ kinh doanh lớn, nộp thuế theo phương pháp kê khai. Phương pháp kiểm tra vừa kết hợp kinh nghiệm với việc phân tích những thông tin mà cơ quan thuế nắm được. Căn cứ vào doanh thu kê khai, đối chiếu với quy mô kinh doanh (như vốn, diện tích mặt bằng, số lượng lao động...), doanh thu của một số tháng liền kề, các hộ kinh doanh cùng ngành nghề, cùng quy mô, kết hợp với việc xem xét địa điểm kinh doanh, lợi thế kinh doanh để xác định doanh thu kê khai có hợp lý hay không.

- Trường hợp có nghi vấn phải tổ chức kiểm tra thực tế, quan sát lượng khách hàng, hay kiểm kê hàng hóa để xác định doanh thu mua vào làm cơ sở xác định doanh thu bán ra.

- Ngoài ra, còn có thể thu thập thông tin từ các đối tượng cung cấp hàng hóa để xác định lượng hàng mua vào làm căn cứ xác định doanh thu bán ra.

- Quá trình thanh tra thuế phải thực hiện theo đúng quy trình. Kết quả thanh tra thuế phải được xử lý nghiêm minh theo pháp luật, phải theo dõi đôn đốc đối tượng vi phạm thực hiện nghiêm chỉnh, đảm bảo công tác thanh tra và xử lý vi phạm đủ để ngăn ngừa các hành vi vi phạm.

Tuy nhiên, ngoài các giải pháp về mặt chế tài, cần có giải pháp để kích thích, khơi dậy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân.

Kinh nghiệm của một số nước đã giải quyết thành công vấn đề này cho thấy, phải giành rất nhiều ưu đãi để khuyến khích các cá nhân minh bạch hóa hoạt động kinh doanh. Thậm chí ở nhiều nước, Chính phủ cung cấp không máy tính tiền cho các cá nhân kinh doanh; nếu cá nhân nào tự trang bị máy tính tiền thì cơ quan thuế sẽ cho phép tính giảm trừ chi phí mua máy theo một tỷ lệ nhất định ngay trên mỗi hóa đơn tính tiền trong suốt 1 đến 2 năm đầu, hoặc có thể áp dụng biện pháp giảm thuế từng phần để tạo điều kiện cho cá nhân thu hồi vốn và khuyến khích họ sử dụng máy tính tiền. Với biện pháp này, cơ quan thuế sẽ có điều kiện kiểm soát được doanh số, từ đó có cơ sở để quản lý thuế công bằng và hợp lý hơn.

3.3.5 Tăng cường kiểm soát kê khai giảm trừ gia cảnh

Giảm trừ gia cảnh là khoản tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ sản xuất, kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú. Trường hợp cá nhân cư trú vừa có thu nhập từ kinh doanh, vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công thì sẽ tính giảm trừ gia cảnh một lần vào tổng thu nhập từ kinh doanh và từ tiền lương, tiền công.

Nguyên tắc tính giảm trừ gia cảnh:

- Việc giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc thực hiện theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ gia cảnh một lần vào một đối tượng nộp thuế trong năm tính thuế. Người phụ thuộc mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng phát sinh tháng nào thì giảm trừ tháng đó.

- Trường hợp nhiều đối tượng nộp thuế có chung người phụ thuộc phải nuôi dưỡng thì các đối tượng nộp thuế phải tự thỏa thuận để đăng ký giảm trừ gia cảnh vào một đối tượng nộp thuế.

- Đối tượng nộp thuế có trách nhiệm kê khai số người phụ thuộc được giảm trừ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong việc kê khai này.

Việc giảm trừ gia cảnh là điểm rất ưu việt của Luật thuế TNCN nhưng đây cũng là vấn đề nhạy cảm và rất khó quản lý trong thực tiễn. Để tránh bị lợi dụng việc giảm trừ gia cảnh để trốn thuế, lách thuế, Cục thuế tỉnh Quảng Nam cần phải tăng cường kiểm soát việc kê khai giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc như sau:

Phân loại người phụ thuộc để kiểm soát:

- Đối với người phụ thuộc là con dưới 18 tuổi thì sẽ được giảm trừ gia cảnh ngay trước khi khấu trừ thuế TNCN. Người có thu nhập lập tờ khai đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc báo với cơ quan chi trả thu nhập biết, để cơ quan chi trả thu nhập làm căn cứ tính khấu trừ. Cơ quan thuế kiểm soát nhóm người phụ thuộc này thông qua tờ khai đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc. Khi cần thiết, kiểm tra giấy khai sinh hoặc bản sao sổ hộ khẩu.

- Đối với người phụ thuộc là con trên 18 tuổi (vẫn đang đi học), những người phụ thuộc khác như vợ (chồng) không có sức lao động, bố (mẹ) và những đối tượng phải nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật; người có thu nhập phải có đơn gửi cơ quan thuế kèm theo các tài liệu chứng minh thực tế phải nuôi dưỡng để cơ quan thuế kiểm tra, xác minh. Nếu việc nuôi dưỡng là đúng thực tế thì cơ quan thuế sẽ giảm trừ vào thu nhập chịu thuế khi quyết toán thuế. Công tác kiểm tra cụ thể đã được thông tư 84/TT-BTC quy định như sau:

+ Đối với con trên 18 tuổi bị tàn tật, không có khả năng lao động, ngoài việc kiểm tra giấy khai sinh hoặc bản sao sổ hộ khẩu còn phải kiểm tra giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên hoặc bản khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về mức độ tàn tật không có khả năng lao động. Riêng

đối với con đang theo học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hoặc học nghề cần kiểm tra thẻ sinh viên hoặc bản khai có xác nhận của nhà trường, hoặc các giấy tờ khác có chứng minh đang theo học tại các trường học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hoặc học nghề.

+ Đối với vợ hoặc chồng: kiểm tra bản sao hộ khẩu hoặc bản sao giấy chứng nhận kết hôn. Trường hợp vợ hoặc chồng trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên phải có thêm bản sao xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về mức độ tàn tật không có khả năng lao động.

+ Đối với cha, mẹ, anh, chị, em ruột: kiểm tra bản sao sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ liên quan khác để xác nhận rõ mối quan hệ của người phụ thuộc với đối tượng nộp thuế. Trường hợp trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên, cần có thêm bản sao xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về mức độ tàn tật không có khả năng lao động.

+ Đối với những người phụ thuộc khác như ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cô, dì, chú, bác, cậu, cháu ruột: kiểm tra các giấy tờ hợp pháp để xác định mối quan hệ của người phụ thuộc với đối tượng nộp thuế và bản tự khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi đối tượng nộp thuế cư trú về trách nhiệm nuôi dưỡng của đối tượng nộp thuế với người phụ thuộc.

Ứng dụng tin học trong việc đối chiếu, xác minh người phụ thuộc:

Toàn bộ hồ sơ chứng minh về người phụ thuộc gửi tới cơ quan thuế sẽ được nhập vào hệ thống cơ sở dữ liệu. Trên cơ sở đó, hệ thống công nghệ thông tin tại cơ quan thuế sẽ xác lập mã nhận diện về người phụ thuộc và chính mã nhận diện này sẽ cho phép cơ quan thuế loại trừ những trường hợp gian lận nhằm mục đích tránh thuế, lách thuế. Trước mắt, khi chưa ứng dụng tin học đầy đủ việc đối chiếu xác minh thực hiện theo phương pháp kiểm tra xác suất và đối chiếu thủ công.

Như vậy, việc kê khai người phụ thuộc hoàn toàn phụ thuộc vào ý thức tự giác của mỗi người. Tuy nhiên, để đảm bảo phát hiện kịp thời các trường hợp cá nhân nộp thuế cố tình khai gian, khai trùng, khai không đúng về người phụ thuộc, cơ quan thuế sẽ phối hợp với đơn vị chi trả thu nhập và hội đồng tư vấn thuế phường, xã để kiểm soát và quản lý.

3.3.6 Khuyến khích việc thanh toán và chi trả thu nhập thông qua hệ thống ngân hàng

Về lâu dài, để kiểm soát và quản lý được tất cả thu nhập của các đối tượng nộp thuế đảm bảo nguồn thu thuế TNCN cho NSNN, cần phải áp dụng giải pháp khuyến khích của đơn vị chi trả thu nhập cho người lao động thông qua hệ thống ngân hàng. Giải pháp này được thực hiện khi hệ thống ngân hàng đủ mạnh và tất cả giao dịch được thực hiện thông qua ngân hàng.

Cơ quan thuế thông qua tài khoản của cá nhân ở ngân hàng sẽ bao quát được tất cả các nguồn thu. Từ đó, thực hiện tính thuế và thông báo cho ngân hàng (nơi NNT đăng ký) để ngân hàng thực hiện thu thuế trực tiếp từ tài khoản của NNT.

Cơ quan thuế có trách nhiệm chi trả thù lao cho ngân hàng xem như là chi phí hành thu. Ngân hàng nhận thù lao xem như dịch vụ ngân hàng và được hạch toán vào thu nhập chịu thuế để tính thuế thu nhập theo quy định.

Để thực hiện được giải pháp này cần có các yêu cầu sau:

- Các ngân hàng phải nối mạng liên thông với nhau và với cơ quan thuế, mỗi cá nhân đều phải mở tài khoản tại ngân hàng.
- Từng bước có chính sách, biện pháp hạn chế giao dịch bằng tiền mặt, tập trung mọi thanh toán qua ngân hàng. Đây là tiền đề quan trọng để Nhà nước kiểm soát được thu nhập của các tầng lớp dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi Luật thuế TNCN.

- Đa dạng hóa các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, cải thiện thủ tục thanh toán, đảm bảo chính xác, nhanh gọn.

- Áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt.

3.4 KIẾN NGHỊ

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

Để công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đạt hiệu quả, cần có sự chủ trì của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, ban hành quy chế phối hợp đồng bộ giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện với cơ quan thuế trong công tác quản lý thu thuế. Các quy chế phối hợp bao gồm các nội dung sau:

- Cục thuế phối hợp với Sở kế hoạch đầu tư trong việc cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh, kiểm tra việc thành lập các hộ kinh doanh cá thể và hoạt động của các hộ kinh doanh cá thể khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh, để kịp thời phát hiện, xử lý đối với những đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế.

- Cục thuế Quảng Nam phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức tập huấn, học tập pháp luật, thủ tục hành chính thuế TNCN cho cán bộ, công chức thuế... Thực hiện việc công khai, minh bạch các thủ tục hành chính về thuế để các tổ chức, cá nhân biết, kiện toàn bộ máy quản lý thuế tại Cục thuế.

- Cục thuế phối hợp với chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Nam đề ra các biện pháp tăng cường quản lý các hoạt động về đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, ... nhằm quản lý chặt chẽ thu nhập từ hoạt động này.

- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Nam phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh triển khai đề án không dùng tiền mặt, phát triển mạnh các hình thức thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng, tiến tới không sử dụng tiền mặt trong các giao dịch kinh tế.

- Sở Lao động thương binh xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cùng với Liên đoàn lao động tỉnh Quảng Nam tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương để kiểm soát việc chi trả tiền lương, tiền công thực tế của các tổ chức, cá nhân kinh doanh cho người lao động. Sở Lao động thương binh xã hội chủ trì, phối hợp Sở nội vụ, các cơ quan liên quan để triển khai xác định mức phụ cấp, trợ cấp áp dụng đối với lao động trong các ngành, nghề để làm căn cứ xác định các khoản thu nhập được trừ khi tính thuế TNCN, hướng dẫn việc xác định người phụ thuộc không có khả năng lao động để làm cơ sở khi tính giảm trừ gia cảnh.

- Sở Tài nguyên môi trường, Sở xây dựng chỉ đạo các đơn vị liên quan thuộc cấp huyện tăng cường quản lý hoạt động đăng ký, chuyển nhượng bất động sản, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, đồng thời phối hợp với cơ quan thuế quản lý chặt chẽ giá cả, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh.

- Sở Y tế tỉnh Quảng Nam chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành xác nhận các trường hợp bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định để làm căn cứ xét giảm thuế TNCN; đồng thời phối hợp với Sở Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn việc xác nhận đối tượng bị tàn tật, không có khả năng lao động làm căn cứ tính giảm trừ gia cảnh.

- Công an tỉnh phối hợp với Cục thuế, các cơ quan bảo vệ pháp luật phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp gian lận, trốn thuế hoặc không chấp hành Luật thuế TNCN. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai các biện pháp chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thực hiện tốt Luật thuế TNCN, chống thất thu ngân sách.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam, các cơ quan ban, ngành, hội đoàn thể phối hợp chặt chẽ với Cục thuế, các ngành liên quan,

các cấp chính quyền địa phương trong việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Luật thuế TNCN.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương 3, Luận văn đã phân tích các yêu cầu của công tác quản lý thuế TNCN và các phương hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới. Nhằm khắc phục những tồn tại và hạn chế của công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam, Luận văn đã đưa ra những giải pháp cơ bản góp phần hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh là : 1) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thuế; 2) Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến thuế TNCN; 3) Giải pháp về kiểm soát thuế đối với những khoản thu nhập của cá nhân; 4) Tăng cường kiểm soát kê khai giảm trừ gia cảnh; 5) Khuyến khích việc thanh toán và chi trả thu nhập thông qua hệ thống ngân hàng.

KẾT LUẬN

Thuế TNCN là một loại thuế trực thu điều tiết thu nhập của các cá nhân trong xã hội. Ở Việt Nam, trong tương lai, không mở rộng thêm các loại thuế mà từng sắc thuế phải được hoàn thiện theo xu hướng thuế trực thu tăng hơn thuế gián thu để đảm bảo tỷ trọng hai loại thuế này tương đương nhau. Trong thuế gián thu thì thuế xuất nhập khẩu giảm khi cắt giảm thuế theo cam kết quốc tế. Trong thuế trực thu thì thuế TNCN, thuế thu nhập doanh nghiệp tăng. Hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và mở cửa hội nhập quốc tế là một đòi hỏi tất yếu khách quan, phù hợp với định hướng phát triển đến năm 2020 và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Trên cơ sở lý luận và xuất phát từ những hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam, Luận văn đã đưa ra được những nguyên nhân gây ra hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam trong thời gian qua. Luận văn cũng đã phân tích những yêu cầu, phương hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN để tìm ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN tại Cục thuế tỉnh Quảng Nam nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác thu và chống thất thu thuế TNCN trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (2010), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam*, Quảng Nam.
- [2] Cục thuế tỉnh Quảng Nam (2008), *Tài liệu tập huấn Luật thuế TNCN*, Tam Kỳ.
- [3] Cục thuế tỉnh Quảng Nam (2008), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2007. Nhiệm vụ giải pháp công tác thuế năm 2008*.
- [4] Cục thuế tỉnh Quảng Nam (2009), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2008. Nhiệm vụ giải pháp công tác thuế năm 2009*.
- [5] Cục thuế tỉnh Quảng Nam (2010), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2009. Nhiệm vụ giải pháp công tác thuế năm 2010*.
- [6] Cục thuế tỉnh Quảng Nam (2011), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2010. Nhiệm vụ giải pháp công tác thuế năm 2011*.
- [7] Cục thuế tỉnh Quảng Nam (2012), *Tài liệu hội nghị tổng kết công tác thuế năm 2011 và 15 năm tái lập tỉnh - Nhiệm vụ công tác thuế năm 2012*.
- [8] Hội tư vấn thuế Việt Nam (2009), *Hướng dẫn kê khai, nộp và quyết toán thuế TNCN*, NXB Tài Chính, Hà Nội.
- [9] Hội tư vấn thuế Việt Nam (2010), *Hướng dẫn về thuế đối với cá nhân kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ cho thuê nhà, thu nhập từ tiền lương, tiền công*, NXB Tài Chính, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Thị Thanh Thủy (2009), *Thuế thu nhập cá nhân: kinh nghiệm trên thế giới và việc triển khai thực hiện tại Việt Nam*, “Tập chí Kinh tế và phát triển”, (số 5 - 2009), Tr 10-13.
- [11] Tạp chí thuế Nhà nước (2008), *Hệ thống văn bản pháp luật về thuế TNCN*, NXB Tài Chính, Hà Nội.
- [12] Tạp chí thuế Nhà nước (2010), *Quy trình quản lý thuế Tập 2*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
- [13] Niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam
<http://www.qso.gov.vn/NGTKweb10/home1024.htm>.

